CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
DN: C=VN, S=Hải Phòng, L="Km 35 quốc lộ 10, Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam", O=CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0200786983
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025-04-18 10:30:07
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Số/*No:* 03/2025/CBTT-AMECC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2025
Hai Phong City, 17/4/2025

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hà Nội**

To: - *State Securities Commission of Vietnam*
- *Hanoi Stock Exchange*

- Công ty/*Company*: Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Amecc/ *Amecc Mechanical Construction JSC*
- Mã chứng khoán /*Stock Code*: AMS
- Địa chỉ trụ sở Công ty /*Head Office Address*: Km35 Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng / *Km 35 of National Highway 10, Quoc Tuan Commune, An Lao District, Hai Phong City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 02253 922 786
- Fax: 02253 922 783
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Person in Charge of Information Disclosure*: **Đặng Thị Thu Thủy**

Loại thông tin công bố : ☑ định kỳ ☐ bất thường 24h ☐theo yêu cầu
Type of Information Disclosure : ☑ *Periodic Disclosure* ☐ *Extraordinary Disclosure (Within 24 Hours)* ☐ *Upon Request*

Nội dung thông tin công bố / *Disclosed Information Content*

Căn cứ Khoản 2 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC công bố thông tin: **Báo cáo thường niên năm 2024**

Pursuant to Clause 2, Article 10 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, Amecc Mechanical Construction JSC hereby discloses the following information: ***Annual Report 2024***:

Thông tin đã được công bố ngày 17/4/2025 trên website, tại địa chỉ https://amecc.com.vn
The information was disclosed on 17/4/2025 on the company's website at https://amecc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. */We hereby certify that the disclosed information is accurate and take full legal responsibility for the content provided.*

Trân trọng!
Sincerely!

*** Tài liệu đính kèm:**
- Nghị quyết HĐQT.
**** Attached file:***
- *BOD's Resolution.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON IN CHARGE OF INFORMATION DISCLOSURE

ĐẶNG THỊ THU THỦY

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JSC

Số: 01/2025/BCTN-AMECC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

PHẦN MỞ ĐẦU

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Quý vị cổ đông, Đối tác, Khách hàng và toàn thể Người lao động Công ty AMECC thân mến,

Năm 2024 đã khép lại với nhiều dấu ấn quan trọng trong hành trình phát triển của AMECC. Trong bối cảnh thế giới và trong nước không ngừng biến đổi, tập thể Ban lãnh đạo và hơn 1.200 cán bộ nhân viên AMECC đã cùng nhau nỗ lực vượt bậc, từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, giữ vững vị thế của một doanh nghiệp cơ khí hàng đầu Việt Nam.

Bước sang năm 2025, chúng tôi nhận thấy rõ những cơ hội rộng mở đang song hành cùng những yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tốc độ và tính hiệu quả. Với định hướng chiến lược rõ ràng và phương châm hành động "Phòng ngừa rủi ro – Thực hành tuân thủ – Quản trị hiệu quả", AMECC sẽ tiếp tục chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu hoạt động, tập trung tối đa cho sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nền tảng công nghệ – quản trị hiện đại, làm bệ phóng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Đặc biệt, trong năm 2025, AMECC chính thức khởi động chương trình chuyển giao và triển khai "Công nghệ Quản trị tinh gọn – Made in Vietnam Finest Management Technology". Đây là một bước ngoặt mang tính chiến lược nhằm tái cấu trúc toàn diện hệ thống quản trị, nâng cao năng suất, hiệu quả và chất lượng trong mọi hoạt động. Thông qua chương trình này, AMECC cam kết kiến tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp, khoa học và linh hoạt hơn, đáp ứng nhanh chóng với sự thay đổi của thị trường và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Chúng tôi tin rằng, với tinh thần đoàn kết, trí tuệ và khát vọng không ngừng vươn lên của toàn thể cán bộ, người lao động AMECC, cùng sự tin tưởng, đồng hành quý báu của Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác, AMECC sẽ tiếp tục chinh phục những đỉnh cao mới – phát triển mạnh mẽ, an toàn và bền vững.

Một lần nữa, xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý vị đã luôn tin tưởng và ủng hộ AMECC. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự đồng hành của Quý vị trong hành trình vươn xa, vươn tầm.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN VĂN NGHĨA

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Trở thành công ty sản xuất và cơ khí chế tạo hàng đầu tại Việt Nam, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, tiên tiến và sáng tạo, đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế. AMECC cam kết góp phần nâng cao năng lực ngành cơ khí chế tạo, thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền công nghiệp Việt Nam.

SỨ MỆNH

Cung cấp các sản phẩm cơ khí chế tạo chất lượng cao, đáng tin cậy, với giá trị gia tăng vượt trội cho khách hàng trong các ngành công nghiệp khác nhau.
Không ngừng đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả công việc, từ đó đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng và đối tác.
Xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, nơi mọi thành viên đều có cơ hội phát triển và đóng góp vào sự thành công chung của công ty.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng: Chất lượng là yếu tố hàng đầu trong mọi sản phẩm và dịch vụ của công ty. Chúng tôi cam kết cung cấp những sản phẩm cơ khí chế tạo đạt tiêu chuẩn cao, an toàn và hiệu quả.

Đổi mới sáng tạo: AMECC luôn khuyến khích tinh thần sáng tạo, nghiên cứu và áp dụng các công nghệ tiên tiến để không ngừng cải tiến sản phẩm và quy trình sản xuất.

Trách nhiệm: Chúng tôi cam kết thực hiện trách nhiệm đối với khách hàng, đối tác và cộng đồng, xây dựng công ty phát triển bền vững, đồng thời đóng góp tích cực cho xã hội.

Tận tâm và chuyên nghiệp: Tận tâm với từng chi tiết, chuyên nghiệp trong mọi công việc là phương châm hoạt động của AMECC. Chúng tôi đặt khách hàng lên hàng đầu và luôn nỗ lực mang lại giá trị tối ưu cho họ.
Tính bền vững: Mục tiêu của công ty là phát triển bền vững, không chỉ về mặt kinh tế mà còn về môi trường và xã hội, đảm bảo tương lai lâu dài cho công ty và cộng đồng.

NỘI DUNG BÁO CÁO

I. THÔNG TIN CHUNG

1.THÔNG TIN CHUNG, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC**
Tên viết tắt	**AMECC JSC.**
Tên tiếng anh	**AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
GCN đăng Ký DN số	**0200786983**
Vốn điều lệ	**600.000.000.000 đồng**
Địa chỉ	**Km35, Quốc lộ 10, Quốc Tuấn, An Lão, Hải Phòng, Việt Nam**
Số điện thoại	**0225.3922786**
Số fax	**0225.3922783**
Website	**www.amecc.com.vn**
Mã cổ phiếu	**AMS**
Logo	AMECC Together build tomorrow AMECC Cùng xây ngày mai
Slogan tiếng Việt **Slogan tiếng Anh**	**Cùng xây ngày mai** **Together build tomorrow**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Ngày 01/02/2008: Công ty chính thức được thành lập với tên giao dịch: Công ty cổ phần LISEMCO 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200786983, do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp ngày 01/02/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000216, do Ủy ban Nhân dân Hải phòng cấp ngày 26 tháng 09 năm 2008. Công ty thực hiện việc đầu tư Dự án Xây dựng Nhà máy chế tạo thiết bị đồng bộ LISEMCO và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngày 25/04/2016: Công ty Cổ phần LISEMCO 2 được đổi tên thành Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC (AMECC JSC). AMECC JSC hiện có 3 Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép với tổng diện tích hơn 161.000m2 và năng lực gia công chế tạo khoảng 30.000 tấn/năm.

Năm 2014, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC liên kết với các nhà đầu tư thành lập Công ty cổ phần mạ kẽm AMECC, nay đã được đổi tên thành CÔNG TY CỔ PHẦN AMECC GT. Công ty chuyên cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn và sản xuất Grating hàng đầu khu vực phía Bắc với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ, cho ra những sản phẩm mà có độ bền cao, với chiều dày lớp mạ lên đến 150µm.

Năm 2016, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC góp vốn thành lập CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG, nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương Mại AMECC, chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC thành lập Công ty TNHH AMECC Myanmar (AMECC Myanmar Co.,Ltd) có trụ sở chính tại Thành phố Yangon chuyên cung cấp dịch vụ gia công cơ khí chế tạo.

Năm 2018, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC là cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật AMECC Miền Nam thực hiện chiến lược mở rộng thị trường phía Nam với ngành nghề kinh doanh chính gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, thực hiện các dự án EPC tại khu vực Miền Nam.

Tháng 12/2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC góp vốn thành lập Công ty cổ phần Trung tâm Module toàn cầu (GMC) có trụ trở chính tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Hải Phòng, ngành nghề kinh doanh chính như: sản xuất kết cấu thép, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; thực hiện các công tác lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ thi công xây dựng công trình công nghiệp; cho thuê văn phòng nhà xưởng, kho bãi và lưu trữ hàng hoá.

Hiện nay, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC với hơn 15 năm kinh nghiệm và phát triển, cam kết đồng hành cùng cả nước phát triển ngành công nghiệp chế tạo, xây lắp, xây dựng mục tiêu trở thành nhà thầu chính cho các dự án lớn trong và ngoài nước, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp như: gia công chế tạo cơ khí, xây dựng công trình năng lượng nhiệt điện, lọc hoá dầu, điện mặt trời, xi măng, cầu đường, công nghệ môi trường,...

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2	Xây dựng nhà để ở	4101
3	Xây dựng nhà không để ở	4102
4	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
5	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)	7730
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	4299
7	Xây dựng công trình đường sắt	4211
8	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình thuỷ lợi	4222
10	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp	4293
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn, thiết kế nhiệt cho các dự án công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thông gió, điều hoà không khí, cấp nhiệt cho các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kỹ thuật các công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình	71104
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, đồng, chì, gang	4662
13	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
	Chi tiết: Đào tạo cơ khí; Đào tạo đóng mới và sửa chữa tàu	
14	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế các công trình nổi	7410
15	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn	3290
16	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Sản xuất, chế tạo máy nâng chuyển	2816
17	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
18	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo các hình thức được quy định tại điểm b, d, h khoản 1 và điểm b khoản 2 điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6810
19	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
20	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất cửa an toàn, két, cửa bọc sắt; Sản xuất dây cáp kim loại; Sản xuất đinh, ghim, đinh tán, đinh vít, xích; Sản xuất chân vịt tàu và cánh, mỏ neo, chuông, đường ray tàu hoả, móc gài, khoá bản lề; Sản xuất đường ống chịu áp lực	2599
21	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22	Phá dỡ	4311
23	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25	Vận tải đường ống	4490
26	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
27	Cho thuê xe có động cơ	7710
28	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
29	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
30	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592 (Chính)
31	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động; Lắp đặt các loại cửa tự động; Lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi	4329
32	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Nạo vét luồng lạch; Sửa chữa công trình xây dựng	4390
33	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
34	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
35	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
37	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy thuỷ	4659
38	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
39	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	5022
40	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
41	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
42	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
43	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
44	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
46	Sản xuất điện	3511
47	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

CỤ THỂ CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KINH DOANH CHÍNH

Tư vấn-thiết kế

Các công trình công nghiệp, dân dụng, kết cấu thép, nhà tiền chế, hệ thống ống cao áp và hạ áp, giá đỡ ống, bồn bể, cầu trục, thiết bị nâng, và các thiết bị phi tiêu chuẩn khác...
Các phần mềm áp dụng trong thiết kế: SAP2000/Solidwork, Autocad, Tekla, Advance steel, Spoolgent/PDMS, CP Manager, Autonet, Pronest / SigmaNest, ...

Gia công chế tạo cơ khí

Kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn, lò thu hồi nhiệt HRSG, Fired-Heater, Srubber, cột thép, ống công nghệ áp lực, các loại bồn bể áp lực, cầu trục, thiết bị nâng, cầu hành khách sân bay, hệ thống băng tải, kết cấu cầu, tổ hợp module công nghệ, ...

Cung cấp

Các sản phẩm mạ kẽm, grating, kẽm phi hợp kim, vật liệu bọc lót chống mài mòn.
Các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...)

Dịch vụ vận chuyển

Với đội ngũ lái xe chuyên nghiệp, có kinh nghiệm trong việc vận chuyển đường dài, được trang bị các loại xe trọng tải lớn, hiện đại, có khả năng đáp ứng nhanh, kịp thời, vận chuyển hàng hóa an toàn, theo nhu cầu của khách hàng.

Xây lắp

Xây dựng và lắp đặt các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, xi măng, phân đạm, lọc dầu, hóa chất, nhà máy sản xuất thép, nhà máy xử lý nước, công trình thủy lợi, công trình hàng hải, các công trình dân dụng, ...

Sửa chữa, bảo dưỡng

Bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện, xi măng, lọc dầu, hóa chất và các công trình công nghiệp và dân dụng khác.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Trụ sở chính:

Trụ sở văn phòng Công ty và địa điểm sản xuất tại địa chỉ: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng

· Tổng diện tích mặt bằng: **161.337 m2**
· Diện tích nhà xưởng sản xuất: **61.990 m2**
· Diện tích nhà Văn phòng (làm việc): **8.344 m2**
· Diện tích kho tàng: **2.603 m2**
· Diện tích các công trình phụ trợ: **97.985 m2**

Các Chi nhánh độc lập được đặt tại địa chỉ: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng

· Chi Nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và Thiết bị AMECC Số 1
· Chi Nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - Nhà Máy Chế Tạo KCT Và Thiết bị AMECC Số 2
· Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC1
· Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh Xây dựng dân dụng & Công nghiệp AMECC
· Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC Module
· Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh Sơn Và Chống Ăn Mòn AMECC
· Công Ty CP CKXD AMECC - Trung tâm Tư vấn Thiết kế AMECC

Văn phòng đại diện:

· VPĐD TP HCM - CÔNG TY CP CKXD AMECC: 127B Đinh Tiên Hoàng, P3, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
· VPĐD - CÔNG TY CP CKXD AMECC (tại Hà Nội): Số 60, phố Bùi Huy Bích, Phường Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, HN, VN

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có không ít hơn 03 (ba) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

-Ban kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp;

Ban kiểm soát có từ ba (3) đến năm (5) thành viên do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu; nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

-Tổng Giám Đốc

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 64 của Luật Doanh nghiệp.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, các văn bản quy định khác có liên quan và Điều lệ của Công ty:

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

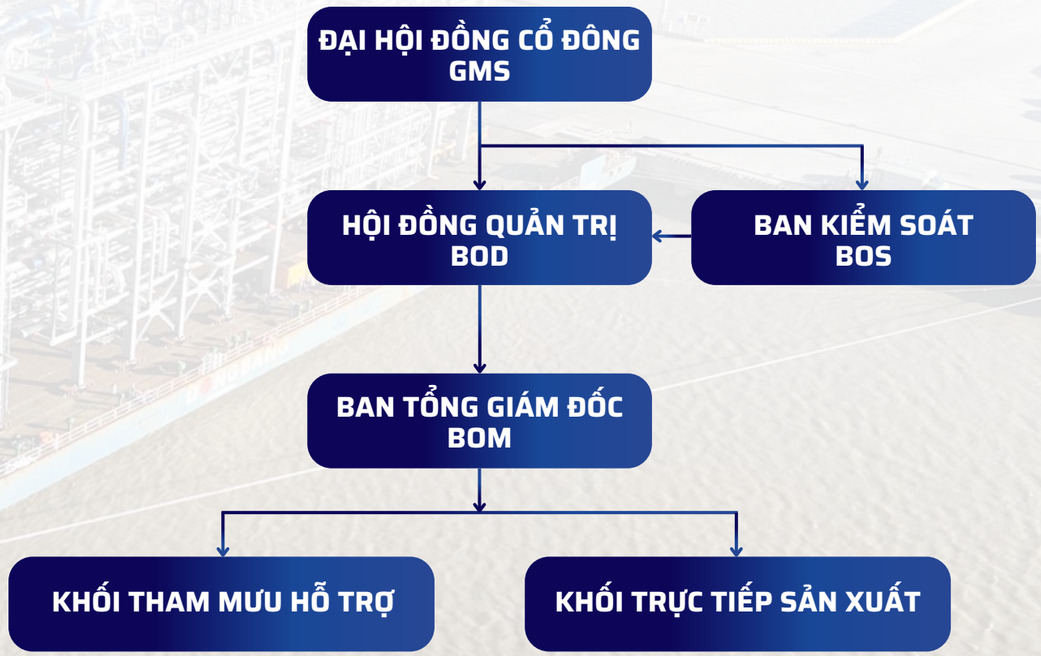

-Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc

Khối tham mưu giúp việc:

Các Ban chức năng gồm: Ban Pháp chế và Kiểm soát nội bộ, Ban Hành chính Nhân sự; Ban Tài chính kế toán; Ban Mua hàng và Logistics; Ban Quản lý dự án; Ban Quản lý Chất lượng; Ban Đầu tư và Kỹ thuật Công nghệ; Ban Quản lý Thiết bị và Cơ giới; Ban Kinh doanh; Ban Quản lý công trình xây dựng công nghiệp; Trung tâm tư vấn thiết kế;

Khối trực tiếp sản xuất: Các đơn vị trực tiếp sản xuất của Công ty bao gồm :

-Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - NM Chế Tạo KCT & TB AMECC số 1
-Chi nhánh Công Ty CP CKXD AMECC - NM Chế Tạo KCT & TB AMECC số 2
-Công Ty CP CKXD AMECC - Chi Nhánh AMECC 1
-Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh Xây dựng dân dụng & Công nghiệp AMECC
-Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh AMECC Module
-Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh Sơn và Chống ăn mòn AMECC
-Công Ty CP CKXD AMECC - Chi nhánh TC vật liệu Chịu nhiệt & Cách nhiệt AMECC
-Trung tâm gia công cơ khí chính xác

STT	Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của AMS
I	Công Ty Con				
31	Công ty TNHH AMECC MYANMAR	Nhà số (B/7/A), Hanthar Yeik Moon, Thị trấn Kamayut, Yangon, Myanma	Theo hoạt động ủy quyền của Công ty mẹ	500.000 USD (tương đương 11.625.270.000 đồng)	100%
II	Công Ty Liên Kết				
33	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng các loại; Gia công cơ khí, chế tạo thiết bị và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép	41.999 tỷ đồng	23,50%
34	CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG TÂM MODULE TOÀN CẦU (GMC)	Lô đất KB2-01, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	330 Tỷ đồng	20,4%
35	CÔNG TY CP AMECC GT (CÔNG TY CÔNG TY CP MẠ KẼM AMECC)	Km 35 - Quốc lộ 10 - Xã Quốc Tuấn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ mạ kẽm nhúng nóng, sản xuất grating, gia công chế tạo & lắp đặt kết cấu thép	60 tỷ đồng	11,53%

4. GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MR. NGUYỄN VĂN NGHĨA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 24/03/1963
Nơi sinh: Cao Xá - Lâm Thao - Phú Thọ
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu: 17,32%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:
1.Chủ tịch HĐQT - CTCP Tasa Group
2.Thành viên HĐQT - CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công
3.Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán - CTCP Lizen
4.Thành viên HĐQT - CTCP Hợp tác kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex
5.Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Vận tải Thăng Long

MR. NGUYỄN VĂN THỌ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ngày tháng năm sinh: 20/07/1975
Nơi sinh: Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu: 19,09%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. KIKUGAWA TETSUYA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 07/10/1966
Nơi sinh: Nhật Bản
Quốc tịch: Nhật Bản
Dân tộc: Nhật Bản
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. KIMIYASU MATSUO
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 31/08/1969
Nơi sinh: Nhật Bản
Quốc tịch: Nhật Bản
Dân tộc: Nhật Bản
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. ĐINH NGỌC THẮNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 21/10/1967
Nơi sinh: Đông Lĩnh, Đông Sơn, Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương
Tỷ lệ CP sở hữu: 0,93%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác:
Giám đốc Công ty CP Vận tải biển Quốc tế VISC tại Hải phòng

MR. LÊ MINH TUẤN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 28/02/1973
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt công nghiệp - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu: 0,24%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. NGUYỄN SƠN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày tháng năm sinh: 29/07/1974
Nơi sinh: Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

MRS. PHẠM MINH HIẾU
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 16/10/1976
Nơi sinh: Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%

MR. FUJIWARA NORIMASA
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 07/08/1958
Nơi sinh: Nhật Bản
Quốc tịch: Nhật Bản
Dân tộc: Nhật Bản
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn:
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%

MR. VŨ ĐÌNH THÔNG
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày tháng năm sinh: 27/02/1981
Nơi sinh: Hải Dương
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Phát huy tối đa lợi thế, năng lực ngành nghề, nâng cao chất lượng nguồn lực, tạo năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Đối với thị trường trong nước, xác định mục tiêu tham gia các dự án, hợp đồng với vai trò tổng thầu EPC, trong các lĩnh vực gia công chế tạo kết cấu thép, lắp đặt thiết bị và thực hiện dịch vụ bảo trì, sửa chữa theo nhóm ngành năng lượng, xi măng, hóa chất, lọc hóa dầu, các công trình xây dựng công nghiệp và hạ tầng; Đối với thị trường nước ngoài, xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác truyền thống để đảm bảo nguồn công việc ổn định và lâu dài;

Tăng cường thúc đẩy hợp tác với các đối tác sẵn có, liên doanh, liên kết và có phương án huy động vốn đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh được kịp thời.

Xây dựng chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực kỹ sư, kỹ thuật, kỹ sư quản lý dự án, kỹ sư quản lý chất lượng, thợ hàn kỹ thuật cao, thợ lắp đặt để nâng cao giá trị năng lực, thương hiệu, cũng như công suất-năng suất gia công chế tạo và lắp đặt đáp ứng thi công các dự án lớn.

Tiếp tục nghiên cứu, triển khai công tác đổi mới, ứng dụng CNTT tại doanh nghiệp phù hợp với quy mô và hoạt động thực tế của Công ty trong đó trọng tâm là công tác tổ chức và hệ thống quản trị.

Đảm bảo công tác an toàn lao động, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp, hàng năm tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo môi trường xanh, sạch, đẹp cho Công ty và cộng đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

Chiến lược về SXKD

Duy trì ngành nghề kinh doanh chính và phát triển quy mô sản xuất kinh doanh, mở rộng và khai thác thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu, nâng tỷ trọng hàng xuất khẩu và lắp đặt cao hơn để gia tăng lợi nhuận. Hợp tác với các nhà thầu có uy tín trong và ngoài nước để tham gia làm thành viên trong Tổng thầu EPC thực hiện các dự án lớn trong nước và ngoài nước.

Tiếp tục đầu tư chiều sâu về công nghệ, máy móc, thiết bị, đáp ứng các ngành nghề cung cấp, gia công chế tạo, xây lắp tổng thầu các dự án có quy mô lớn, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất đã hoàn thành đầu tư. Duy trì và tăng cường hệ thống quản lý ISO, ASME, 5S, quản trị tinh gọn MIV ...và ứng dụng các phần mềm quản lý khác.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

CHIẾN LƯỢC VỀ VỐN

Chủ động xây dựng kế hoạch dòng tiền trung và dài hạn, ổn định là mục tiêu quan trọng trong chiến lược kinh doanh của Công ty. Thúc đẩy tăng trưởng nhằm tăng doanh thu và mở rộng cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực thương mại để có nguồn thu thường xuyên, ổn định, đảm bảo nguyên tắc hiệu quả và bảo toàn vốn.

Nghiên cứu giảm thiểu chi phí thông qua các công cụ nợ, hình thức huy động vốn hiệu quả. Tái cơ cấu nợ bằng phương thức thay các khoản vay ngắn hạn lãi suất cao bằng các khoản vay dài hạn lãi suất hợp lý. Xây dựng quy chế tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương và khen thưởng cũng như chính sách phù hợp đối với người lao động nhằm tối đa hóa lợi ích cho doanh nghiệp.

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Xác định hệ thống quản trị phù hợp là nền tảng để doanh nghiệp phát triển bền vững, tăng cường công tác quản lý tài chính, quản lý rủi ro và giám sát chi tiêu bằng cách kiểm soát hiệu quả công tác thu hồi công nợ, áp dụng các biện pháp tiết giảm chi phí.

Mở rộng thị trường trong nước và phát triển thị trường ra nước ngoài, phát huy vai trò của các Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước. Đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu trong mối quan hệ với các đối tác hiện có và tiếp cận khách hàng tiềm năng bằng nhiều kênh và đầu mối thông tin, linh hoạt nắm bắt cơ hội để mở rộng thị trường.

Tăng cường cải tiến hệ thống quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức nhân sự để phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty. Hiện tại cổ phiếu của công ty đã lưu ký trên sàn UPCoM và sẽ cân nhắc thời điểm thích hợp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE).

NGUỒN NHÂN LỰC

Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là cán bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ để đáp ứng cho như cầu sản xuất kinh doanh trên cơ sở mở rộng quy mô sản xuất và doanh thu.

Xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, hiệu quả để giảm tỷ lệ lao động gián tiếp và giảm chi phí gián tiếp.

Nâng cao chất lượng lao động theo hướng chuyên môn hóa, đào tạo năng lực trình độ chuyên môn và quy hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý.

Tăng cường xây dựng và đào tạo kỹ năng làm việc, tác phong công nghiệp và văn hóa doanh nghiệp cho CBCNV; đảm bảo việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, công tác bảo vệ và cải thiện môi trường, tăng cường trồng cây xanh trên phạm vi mặt bằng Công ty tạo nên môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho Công ty, cộng đồng và xã hội.

6. CÁC RỦI RO

Năm 2024, KT-CT-XH thế giới tiếp tục chịu ảnh hưởng của nhiều biến cố, bất định khó lường đã và đang tiếp tục diễn ra, từ cạnh tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc; ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19; khủng hoảng Nga-Ukraine, xung đột Hamas-Israel, siêu bão Yagi, biến đổi khí hậu, ... khiến cho trật tự và hoạt động kinh tế thế giới thay đổi mạnh mẽ và làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu.

Ở trong nước, nền kinh tế nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề bởi bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là về xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến, chế tạo, thu hút đầu tư, ...

Trong lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, các doanh nghiệp tiếp tục đối mặt với khó khăn về thị trường, khát vốn, mặc dù chính sách tín dụng đã được nới lỏng, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm, nhưng doanh nghiệp khó tiếp cận vốn, công với chi phí đầu vào sản xuất tăng cao; dẫn đến nhiều doanh nghiệp phá sản hoặc vật lộn để tồn tại, thị trường lao động gặp khó khăn khi doanh nghiệp bắt buộc phải giảm giờ làm, giảm lương, cắt giảm lao động, tình trạng người lao động rút bảo hiểm xã hội một lần gia tăng, ...

Trong bối cảnh như vậy, tình hình SXKD của Công ty ít nhiều cũng bị tác động ảnh hưởng. Việc rủi ro được nhận dạng và phân loại theo hai phương diện: khách quan và chủ quan.

RỦI RO ĐỐI VỚI LĨNH VỰC KINH DOANH

Khách quan: Là những rủi ro xuất hiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.
Rủi ro từ chính sách;
Rủi ro từ các sự kiện bất khả kháng.

Chủ quan: Là những rủi ro nảy sinh từ trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn;

- Rủi ro trong hoạt động quản trị, điều hành;
- Rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán;
- Rủi ro trong lĩnh vực đầu tư;
- Rủi ro trong đấu thầu;
- Rủi ro trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Rủi ro trong tổ chức thi công.

ĐÁNH GIÁ VÀ ỨNG PHÓ VỚI CÁC RỦI RO

Sự rủi ro có thể tồn tại song song với hoạt động SXKD của doanh nghiệp, vì vậy trong các trường hợp cụ thể trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro cân đối với lợi ích toàn diện về tài chính, cơ hội. Công ty có các phương án ứng phó rủi ro khác nhau:

- Chấp nhận rủi ro nếu thấy có thể kiểm soát.
- Giảm thiểu rủi ro nếu chưa có giải pháp kiểm soát toàn bộ.
- Chuyển/chia sẻ rủi ro nếu không muốn và/hoặc không thể chấp nhận toàn bộ.
- Né tránh rủi ro nếu không có giải pháp kiểm soát.

II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THÔNG TIN NGÀNH

Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) cho biết, trong năm 2024, nhiều doanh nghiệp cơ khí trong nước đã đẩy mạnh đầu tư và chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nên các sản phẩm như khuôn mẫu, linh kiện cơ khí, nhựa và cao su kỹ thuật... về cơ bản đã được đáp ứng ở mức cao. Cụ thể, linh kiện kim loại sản xuất trong nước đã đáp ứng được 85 - 90% nhu cầu cho sản xuất xe máy; khoảng 15 - 40% nhu cầu linh kiện cho sản xuất ôtô (tùy chủng loại xe), khoảng 20% cho sản xuất thiết bị đồng bộ, 40 - 60% cho sản xuất các loại máy nông nghiệp, máy động lực và 40% cho máy xây dựng, cung ứng linh kiện kim loại cho các ngành công nghiệp công nghệ cao đáp ứng khoảng 10% nhu cầu.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp 11 tháng năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng năm 2024, IIP ước tăng 8,4% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,9%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7% (cùng kỳ năm 2023 tăng 1,0%),đóng góp 8,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có nhiều kết quả đáng ghi nhận là: Phú Thọ tăng 42,1%; Lai Châu tăng 39,9%; Bắc Giang tăng 28,3%; Quảng Nam tăng 20,7%; Thanh Hóa tăng 19,3%. Cũng trong 11 tháng năm 2024, một số sản phẩm công nghiệp chủ lực tăng cao so với cùng kỳ năm trước, gồm: ô tô tăng 22,4%; thép thanh, thép góc tăng 21,7%; thép cán tăng 14,1%...

Chỉ số sản xuất máy móc thiết bị của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024 tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2023. Ước tính cả năm 2024, chỉ số sản xuất của ngành này tăng 5% so với năm 2023. Lĩnh vực cơ khí chế tạo đã sản xuất, lắp ráp được hầu hết các chủng loại xe ôtô con, xe tải, xe khách. Công nghiệp sản xuất linh kiện kim loại cho ngành xe máy đạt tỷ lệ nội địa hóa lên đến 85- 95%. Sản lượng sản xuất động cơ điện một chiều khác và máy phát điện một chiều trong năm 2024 ước đạt 368,68 triệu chiếc, tăng 4,16% so với năm 2023. Các sản phẩm này được sản xuất chủ yếu tại Đồng Nai (chiếm 96,34% tổng sản lượng của cả nước); Phú Thọ (chiếm 3,45%); Hải Dương (chiếm 0,21%)... Tiếp đến là động cơ điện một chiều có công suất ≤ 37,5W, ước đạt 407,38 triệu chiếc, tăng 0,17% so với năm 2023; máy khâu loại dùng cho gia đình đạt 3,9 triệu cái, tăng 30,65%; máy biến đổi điện quay đạt 121,47 nghìn bộ, giảm 17,42%...

Hiện ngành cơ khí Việt Nam vẫn đang tập trung ở 3 phân ngành chính, gồm xe máy và phụ tùng linh kiện xe máy; cơ khí gia dụng; dụng cụ và ô tô và phụ tùng ô tô. Doanh thu toàn ngành đạt hơn 1,7 triệu tỷ đồng, tạo việc làm cho trên 1,2 triệu lao động. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, ngành cơ khí đã đóng góp gần 24% tổng GDP của cả nước. Con số này phản ánh vai trò quan trọng của ngành trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo ra giá trị gia tăng, với giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt 3,62%, đóng góp 0,93 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành cũng đã tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động, giúp giảm tỷ lệ thất nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống. Bên cạnh đó, ngành cơ khí hỗ trợ đáng kể cho nhiều ngành công nghiệp khác, cung cấp các sản phẩm thiết yếu như máy móc, thiết bị và phụ tùng, từ đó cải thiện hiệu quả sản xuất và giảm chi phí cho các ngành khác.

6. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH RIÊNG LẺ SO VỚI KẾ HOẠCH

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KH NĂM 2024	TH NĂM 2024	TH NĂM 2024/KH NĂM 2024 (%)
DOANH THU	TỶ ĐỒNG	3.350,60	3.431,98	102,43%
LN SAU THUẾ	TỶ ĐỒNG	83,70	55,23	65,99%

Mặc dù vẫn tồn tại những khó khăn chung trên thị trường kinh tế Việt Nam, năm 2024 doanh thu công ty mẹ vẫn tăng trưởng và vượt 2,43% so với kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2023. Lợi nhuận sau thuế đạt 65,99% so với kế hoạch.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT SO VỚI THỰC HIỆN

CHỈ TIÊU	NĂM 2024 (VNĐ)	NĂM 2023 (VNĐ)	TĂNG(+) / GIẢM(-) (%)
DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	3.431.984.881.188	3.003.591.091.488	+14,26%
GIÁ VỐN HÀNG BÁN	3.114.842.046.659	2.756.642.522.030	+12,99%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	64.178.661.761	56.436.979.356	+13,72%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	55.040.842.180	52.492.574.602	+4,85%

Doanh thu hợp nhất năm 2024 bằng 114,26% so với năm 2023, số liệu này cho thấy sự tăng trưởng vượt bậc của công ty mẹ do trong năm 2024 công ty con là Công ty TNHH AMECC MYANMAR vẫn đang trong quá trình tái thiết lập lại bộ máy nên chưa phát sinh doanh thu.

Trong năm 2024 doanh thu, giá vốn, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều tăng cho thấy kết quả của sự nỗ lực nâng cao năng suất lao động, đẩy mạnh công tác quản lý chi phí, tối ưu hoá lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh, tạo sự an tâm cho Ban điều hành và nhà đầu tư.

CƠ CẤU DOANH THU, LỢI NHUẬN

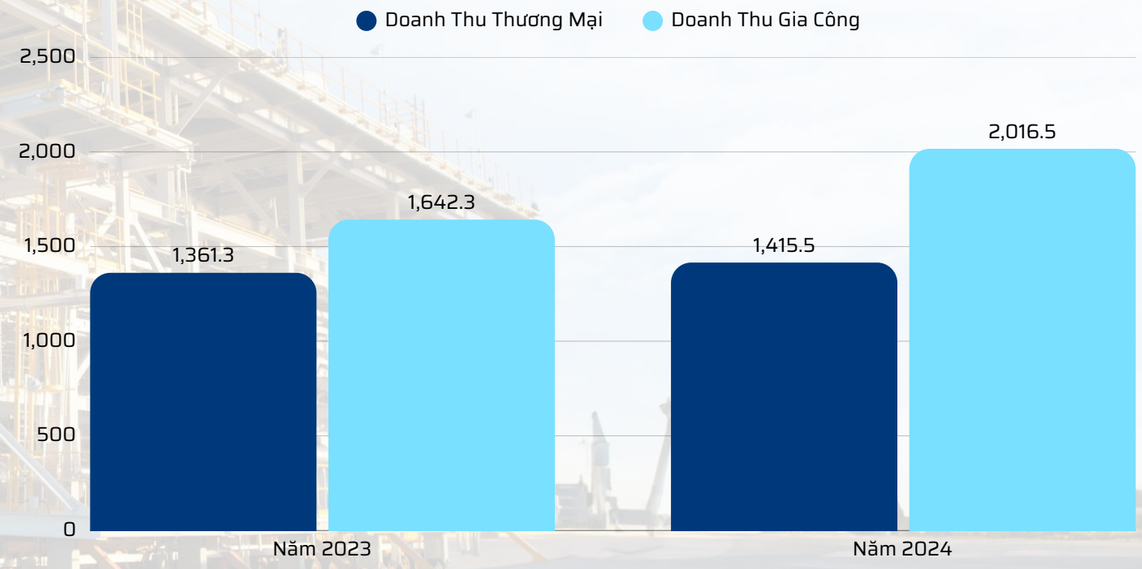

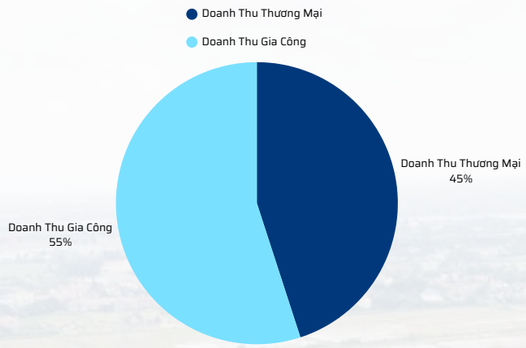

NĂM 2023

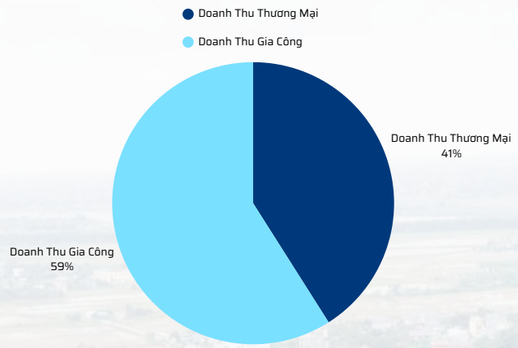

NĂM 2024

Trong năm 2024, doanh thu từ gia công chế tạo, lắp đặt đạt 2.016,51 tỷ, chiếm tỷ trọng 58,76% trong tổng doanh thu, tăng 3,76% so với năm 2023. Doanh thu nhượng bán vật tư năm 2024 chiếm tỷ trọng 41,24% trong tổng doanh thu, giảm 3,76% so với năm 2023. Như vậy, năm 2024, Ban điều hành đã từng bước thực hiện chuyển dịch cơ cấu doanh thu từ nhượng bán vật tư sang gia công chế tạo lắp đặt để hướng tới phát triển ổn định và vững mạnh.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

MR. NGUYỄN VĂN THO - TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ngày tháng năm sinh: 20/07/1975
Nơi sinh: Tân Thọ - Nông Cống - Thanh Hóa
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Tỷ lệ CP sở hữu: 19,09%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. LÊ MINH TUẤN - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 28/02/1973
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nhiệt công nghiệp - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Tỷ lệ CP sở hữu: 0,24%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. TRƯƠNG BÁ MINH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1979
Nơi sinh: Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

MR. NGUYỄN HỮU PHONG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1964
Nơi sinh: Hải Dương
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
Tỷ lệ CP sở hữu: 0.46%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

TRONG ĐÓ, VỊ TRÍ TRONG BAN ĐIỀU HÀNH ĐƯỢC BỔ NHIỆM MỚI TRONG NĂM 2024:

MR. TRƯƠNG BÁ MINH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 19/10/1979
Nơi sinh: Nghệ An
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Tỷ lệ CP sở hữu: 0%
Chức vụ đang đảm nhiệm tại các tổ chức khác: Không

NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ NĂM 2024: 1227 LAO ĐỘNG

CƠ CẤU NHÂN SỰ:

STT	TIÊU CHÍ	NĂM 2024	
		SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG
I. THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG			
1	TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ TRÊN ĐẠI HỌC	259	21.11%
2	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP	55	4.48%
3	SƠ CẤP VÀ CÔNG NHÂN KỸ THUẬT	405	33.01%
4	LAO ĐỘNG PHỔ THÔNG	508	41.4%
II. THEO ĐỐI TƯỢNG LAO ĐỘNG			
1	LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP	968	78.89%
2	LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP	259	21.11%
III. THEO GIỚI TÍNH			
1	NAM	1055	85.98%
2	NỮ	172	14.02%
IV. THEO ĐỘ TUỔI			
1	TỪ 18 ĐẾN 25 TUỔI	215	17.52%
2	TỪ 26 ĐẾN 35 TUỔI	405	33.01%
3	TỪ 36 ĐẾN 45 TUỔI	365	29.75%
4	TRÊN 45	242	19.72%
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG		1227	100%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

VỀ TIỀN LƯƠNG:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức trả lương theo tính chất và hiệu quả công việc mức lương bình quân thu nhập **trên 15,8 triệu đồng/1 người/1 tháng**. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với CBCNV gián tiếp, nghiệp vụ chuyên môn hưởng lương theo mức quy định chức danh và hệ số hàng tháng.

Hệ số căn cứ vào công việc, trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Hiện tại, Công ty đang tiến hành xây dựng hình thức trả lương theo nguyên tắc 3P, xây dựng KPI cho từng cá nhân, nhằm đảm bảo công bằng và hợp lý để khuyến khích người lao động phấn đấu và hăng say trong công tác.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO:

Trong năm 2024, tổng cộng có 111 khóa đào tạo nội bộ và một số khóa đào tạo ngoài trong công ty trong đó có 02 khóa là đào tạo an toàn vận hành thiết bị nâng nội bộ, 104 khóa đào tạo nội bộ tiếng Nhật cho công nhân, 02 khoá đào tạo cách tổ chức vệ sinh công nghiệp, 01 khoá đào tạo tính lương, Bảo hiểm xã hội, thuế đối với văn phòng các chi nhánh, đơn vị sản xuất, 01 khoá đào tạo về yếu tố nguy hiểm tiềm ẩn tại nhà máy, 01 khoá đào tạo hướng dẫn công tác bảo vệ nhà máy.

Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp quản lý chất lượng về các chứng chỉ, Ban Kinh doanh đào tạo on job...

Công ty cử cán bộ chủ chốt tham gia lớp tập huấn về quản trị công ty, quản trị nhân sự, tài chính và quản lý dự án, tiếp cận công nghệ cao, áp dụng phần mềm quản lý trong quá trình SXKD.

Hàng năm công ty thường xuyên mở các khóa tập huấn về chuyên môn, đào tạo tại chỗ cho các công nhân lành nghề được cấp chứng chỉ như: Chứng chỉ 3G, 4G, 6G...Thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

Mở lớp đào tạo về an toàn được diễn ra 02 lần/tuần, đều đặn để bất cứ ai làm việc tại Công ty đều hiểu được vai trò của công tác an toàn có vai trò quan trọng như thế nào trong công ty sản xuất.

VỀ CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG:

Để khuyến khích người lao động, hàng năm Công ty tổ chức phong trào thi đua khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoàn thành tốt nhiệm vụ, bên cạnh đó Công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của công ty.

CÔNG TÁC ĐỜI SỐNG, QUYỀN LỢI ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Công ty luôn quan tâm đảm bảo việc làm cho người lao động làm việc và thu nhập tương xứng với kết quả lao động, trả lương kịp thời và hỗ trợ 100% chi phí ăn trưa, ăn tối phục vụ CBCNV đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm. Ngoài ra, Công ty phát động gây dựng Quỹ tình thương, trợ cấp khó khăn kịp thời và đúng đối tượng cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, đảm bảo kinh phí để hỗ trợ cho các đối tượng theo quy chế mà Công ty đã quy định.

THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA NHÀ NƯỚC NHƯ:

Chế độ BHXH, BHYT cho 100% người lao động được hưởng chế độ, mua bảo hiểm thân thể, hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động và khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể CBCNV.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

A. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NHÀ XƯỞNG KHU 5.5HA

Cho tới cuối năm 2024, đã cơ bản hoàn thành **100%** các hạng mục đầu tư khu **5.5ha**, với tổng giá trị đầu tư đã đạt **165.431.862.244 VNĐ**, trong đó:

Nhà xưởng A7 hoàn thành nhà xưởng và đưa vào hoạt động

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ MMTB VÀ PHƯƠNG TIỆN CƠ GIỚI

Trong năm 2024, Công ty đã mua sắm đầu tư hơn 25 đầu mục MMTB và phương tiện cơ giới như các máy cắt laser CNC 20kW, máy nén khí, máy hàn hồ quang chìm, máy làm sạch tự động, máy cắt và vát mép ống, máy cắt dầm H tự động, hệ thống thu hồi hạt bi tự động, hệ thống cẩu trục cho khi nhà A6 & A7. Tổng mức đầu tư là (bao gồm cả tài sản thuế tài chính): 128.471.766.533 đồng VNĐ.

Hệ thống MMTB và phương tiện đầu tư đã tạo ra sự chủ động trong sản xuất, tăng sản lượng pha cắt **lên 4.000 tấn/tháng** và sản lượng gia công chế tạo **đạt trên 6.000 tấn/tháng** và còn tiếp tục tăng hơn nữa.

B. TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON: CÔNG TY TNHH AMECC MYANMAR

- Năm 2017, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC thành lập Công ty TNHH AMECC Myanmar (AMECC Myanmar Co.,Ltd) có trụ sở chính tại Thành phố Yangon chuyên cung cấp dịch vụ gia công cơ khí chế tạo.

- Từ năm 2021, do dịch bệnh Covid – 19 và nội chiến kéo dài tại Myanmar, Công ty TNHH AMECC MYANMAR đang tạm ngừng hoạt động và đang trong quá trình tái thiết lập lại bộ máy, dự kiến sẽ hoạt động trở lại trong năm 2025.

CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC

- Năm 2016, Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC góp vốn thành lập CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI AMECC WEI SHENG, nay đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Thương Mại AMECC, chuyên cung cấp các chủng loại vật liệu bằng kim loại (thép tấm, thép hình, thép mạ, ống thép, bu lông, dây hàn, que hàn...) với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại AMECC năm 2024 như sau:
- Doanh thu: **665.649 triệu đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: **753 triệu đồng**

CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CP TRUNG TÂM MODULE TOÀN CẦU (GMC)

- Tháng 12/2022, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC góp vốn thành lập Công ty cổ phần Trung tâm Module toàn cầu (GMC) có trụ trở chính tại Khu Kinh tế Đình Vũ – Hải Phòng, ngành nghề kinh doanh chính như: sản xuất kết cấu thép, gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; thực hiện các công tác lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Dịch vụ thi công xây dựng công trình công nghiệp; cho thuê văn phòng nhà xưởng, kho bãi và lưu trữ hàng hoá.
- Tình hình tài chính của Công ty CP Trung tâm Module toàn cầu năm 2024 như sau:
- Doanh thu: **12.163 triệu đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: lỗ **1.642 triệu đồng**

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	% TĂNG GIẢM/%
1	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	3.349,79	3.278,48	-2,13%
2	DOANH THU THUẦN	3.003,59	3.431,98	+14,26%
3	LỢI NHUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	67,07	93,35	+39,18%
4	LỢI NHUẬN KHÁC	(10,63)	(29,17)	-174,41%
5	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	56,44	64,18	+13,71%
6	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	52,49	55,04	+4,85%

Trong năm 2024, các chỉ tiêu tăng trưởng đã chậm dần lại sau một năm nền kinh tế toàn cầu đang dần hồi phục sau đại dịch và chiến tranh. AMECC cũng đã nỗ lực tăng doanh thu và lợi nhuận sau thuế, doanh thu hợp nhất năm 2024 **đạt 3.431,98 tỷ**, trong đó 100% đến từ công ty mẹ là Công ty CP cơ khí xây dựng AMECC do công ty con là Công ty TNHH AMECC MYANMAR vẫn đang trong quá trình tái thiết lập bộ máy nên chưa phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Cùng với sự tăng trưởng doanh thu là sự gia tăng về lợi nhuận sau thuế **(+4,85%)** và số thuế TNDN phải nộp ngân sách là **18,20 tỷ đồng.**

Năm 2024, AMECC chủ trương gia tăng vòng quay hàng tồn kho, thu hồi công nợ thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, do đó cả hàng tồn kho và các khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả đều giảm mạnh, kết quả là tổng tài sản của công ty giảm nhẹ **2,13%** nhưng vốn chủ sở hữu vẫn tăng **+3,04%**.

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	ĐƠN VỊ TÍNH
A	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1	HỆ SỐ THANH TOÁN NGẮN HẠN			
	TÀI SẢN NGẮN HẠN/NỢ NGẮN HẠN	1,04	1,02	LẦN
2	HỆ SỐ THANH TOÁN NHANH			
	(TÀI SẢN NH - HÀNG TỒN KHO)/NỢ NGẮN HẠN	0,63	0,56	LẦN
	LỢI NHUẬN SAU THUẾ			
B	CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
1	HỆ SỐ NỢ/TỔNG TÀI SẢN (TD/TA)	76,59%	75,31%	%
2	HỆ SỐ NỢ/VỐN CHỦ SỞ HỮU (D/E)	3,27	3,05	LẦN
C	CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
1	VÒNG QUAY HÀNG TỒN KHO	2.7	3.19	LẦN
2	VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN	0.97	1.03	LẦN
D	CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
1	HỆ SỐ LỢI NHUẬN/DOANH THU THUẦN (ROS)	1,76%	1,60%	%
2	HỆ SỐ LỢI NHUẬN/TỔNG TÀI SẢN (ROA)	1,58%	1,68%	%
3	HỆ SỐ LỢI NHUẬN/ VỐN CHỦ SỞ HỮU (ROE)	6,73%	6,80%	%

HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty năm 2024 là 1,02 lần, giảm 2% so với năm 2023. Hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 0,63 lần lên 0,56 lần, chứng tỏ mặc dù có suy giảm do ảnh hưởng bởi chiến lược kinh doanh những sản ngắn hạn của công ty vẫn đủ để đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán cho thấy tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2023 là an toàn và đảm bảo khả năng thanh toán trong kỳ.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2023 và là năm thứ 2 giảm liên tiếp cho thấy Công ty đã tự chủ hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ số này phản ánh tình hình vay nợ để đầu tư máy móc thiết bị và tích trữ hàng tồn kho phục vụ mở rộng sản xuất theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị thông qua, hứa hẹn sẽ tăng trưởng lớn trong năm 2025.

HỆ SỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Hệ số Vòng quay hàng tồn kho năm 2024 là 3,19 vòng tương ứng với kỳ luân chuyển hàng tồn kho là 113 ngày, giảm 20 ngày so với năm 2023 cho thấy việc quản lý hàng tồn kho đã có dấu hiệu chuyển biến rõ rệt, góp phần tối ưu hóa chi phí và nâng cao lợi nhuận của công ty.

Hệ số Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,97 lên 1,03 cho thấy việc đầu tư thêm tài sản phục vụ sản xuất đã phát huy tác dụng, hứa hẹn sẽ tiếp tục tăng trong năm 2025 khi công ty ngày càng sử dụng hiệu quả hơn các nguồn tài sản đã được đầu tư.

HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2024 ROS giảm trong khi chỉ số ROA và ROE đều tăng do các yếu tố cấu thành chi phí có xu hướng tăng sau hồi phục kinh tế. Điều quan trọng hơn là cơ cấu doanh thu đã thay đổi theo hướng mà Ban điều hành đã đề ra, đó là tăng trưởng doanh thu gia công chế tạo lắp đặt hướng tới phát triển bền vững, làm cho lợi nhuận sau thuế tăng so với năm 2023. Điều này một lần nữa khẳng định hướng đi đúng đắn mà Ban điều hành đã đề ra.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

5.1. CỔ PHẦN

Tính đến hết ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã phát hành 60.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- **Số cổ phần phổ thông:** 60.000.000 cổ phiếu
- **Số cổ phần ưu đãi:** 0 cổ phiếu
- **Số cổ phần đang lưu hành:** 60.000.000 cổ phiếu
- **Số cổ phiếu quỹ:** 0 cổ phiếu
- **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu

5.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

NGUỒN: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 28/08/2024

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	1872	38.742.022	64.57%
1	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	05	202.001	0,34%
2	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	1867	38.539.921	64,23%
B	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	12	21.257.978	35,43%
1	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	02	21.207.678	35,35%
2	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	10	50.300	0,08%
TỔNG CỘNG		1.884	60.000.000	100,00%

*** AMS KHÔNG CÓ CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC.**

5.3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ/VĐL
1	NGUYỄN VĂN NGHĨA	10.392.000	17,32%
2	NGUYỄN VĂN THỌ	11.454.614	19,09%
3	SANKYU INC.	21.030.000	35,05%
TỔNG CỘNG		42.876.614	71,46%

5.4. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

LỊCH SỬ TĂNG VỐN

- **Tăng vốn lần 1 (10/2010):** Từ 50 lên 60 tỷ đồng
- **Tăng vốn lần 2 (09/2012):** Từ 60 lên 70 tỷ đồng
- **Tăng vốn lần 3 (10/2015):** Từ 70 lên 120 tỷ đồng
- **Tăng vốn lần 4 (11/2016):** Từ 120 lên 150 tỷ đồng
- **Tăng vốn lần 5 (04/2018):** Từ 150 lên 200 tỷ đồng
- **Tăng vốn lần 6 (12/2018):** Từ 200 lên 300 tỷ đồng
- **Tăng vốn lần 7 (12/2019):** Từ 300 lên 333 tỷ đồng
- **Tăng vốn lần 8 (12/2020):** Từ 333 lên 366.298.650.000 đồng.
- **Tăng vốn lần 9 (03/2023):** Từ 366.298.650.000 đồng lên 600 tỷ đồng.

5.5. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: KHÔNG CÓ

5.5. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: KHÔNG CÓ

6. BÁO CÁC TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG:

CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH:

Doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp giảm thải khí nhà kính như sử dụng đèn LED, tắt thiết bị điện khi không dùng, và cài đặt cảm biến ánh sáng để tiết kiệm điện. Ngoài ra, AMECC cũng cho lắp đặt điện mặt trời áp mái hoặc máy nước nóng năng lượng mặt trời.

Doanh nghiệp đã phân loại và tái chế rác, hạn chế dùng đồ nhựa một lần, đồng thời khuyến khích nhân viên sử dụng ly, túi cá nhân. Các cuộc họp được tổ chức online khi có thể để giảm thiểu di chuyển, đồng thời đẩy mạnh số hóa tài liệu để giảm in ấn giấy.

Đồng thời, AMECC đẩy mạnh việc trồng cây tại văn phòng và tham gia các chương trình trồng rừng là cách thiết thực để hấp thụ khí CO_2.

6.2. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU:

A. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	SẮT THÉP CÁC LOẠI	KG	151,969,297
2	SƠN VÀ PHỤ GIA	LÍT	681,571
3	VẬT TƯ ĐÓNG KIỆN	M3	12,245
4	VẬT LIỆU HÀN	KG	1,140,298
5	VẬT LIỆU KHÍ	CHAI	45,039

B. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

6.3. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG: NĂNG LƯỢNG ĐIỆN

CHỈ TIÊU	NĂM 2024 (VND)	NĂM 2023 (VND)
KHỐI VĂN PHÒNG	1.116.057.197	812.737.180
KHỐI SẢN XUẤT	11.414.706.601	9.081.728.439

6.4. TIÊU THỤ NƯỚC:

CHỈ TIÊU	NĂM 2024 (VND)	NĂM 2023 (VND)
KHỐI VĂN PHÒNG	190.657.300	88.518.375
KHỐI SẢN XUẤT	221.140.632	222.118.875

6.5. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

A. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

B. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

A. SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:
AMECC hiện có 1.227 người lao động.

Mức lương bình quân đạt 15,8 triệu đồng/người/tháng, không ngừng được cải thiện qua từng năm nhờ vào việc tối ưu năng suất lao động, chính sách đãi ngộ cạnh tranh và hoạt động kinh doanh ổn định.

Công ty cam kết xây dựng môi trường làm việc ổn định, công bằng và nhân văn, coi người lao động là trung tâm của sự phát triển bền vững. Ngoài các chế độ theo quy định pháp luật, AMECC liên tục nâng cấp các chính sách nội bộ theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và gắn kết dài lâu với người lao động

B. CHÍNH SÁCH ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
AMECC chú trọng đến an toàn, sức khỏe, đời sống và phát triển toàn diện cho người lao động thông qua các chương trình cụ thể:

Chế độ phúc lợi mở rộng:
Ngoài chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, công ty còn có các chương trình hỗ trợ y tế nội bộ, khám sức khỏe định kỳ 1-2 lần/năm, quà tặng dịp sinh nhật, hiếu hỉ, học bổng cho con em CBCNV, hỗ trợ tài chính khẩn cấp, hỗ trợ nhà ở cho công nhân xa quê.

Chăm lo sức khỏe tinh thần:
Tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao – teambuilding – du lịch hàng năm; duy trì các CLB nội bộ (bóng đá, bóng bàn, âm nhạc...) tạo sự gắn kết và tái tạo năng lượng tích cực cho nhân viên.

An toàn lao động và điều kiện làm việc:
Cải tiến liên tục về công tác An toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ): tập huấn định kỳ, giám sát chéo tại hiện trường, nâng cấp trang thiết bị bảo hộ lao động; đầu tư cải thiện môi trường làm việc tại nhà máy theo hướng xanh, sạch, chuyên nghiệp.

Chính sách linh hoạt và nhân văn:
Từng bước áp dụng chính sách làm việc linh hoạt cho khối văn phòng: làm việc từ xa, làm việc online đối với nhân sự làm việc dự án,.....

C. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:
Với định hướng trở thành doanh nghiệp cơ khí hàng đầu khu vực, AMECC đầu tư mạnh mẽ vào nâng cao năng lực con người:

Đào tạo đa tầng – theo chiều sâu và chiều rộng:
- Đào tạo nội bộ tại Trung tâm Hàn – phát triển thợ lành nghề, chuẩn hóa tay nghề theo yêu cầu dự án trong nước và quốc tế.
- Đào tạo kỹ năng quản lý, phần mềm kỹ thuật, chuyển giao công nghệ mới cho các kỹ sư, chuyên viên thông qua hợp tác với các chuyên gia và tổ chức đào tạo uy tín trong và ngoài nước.
- Cử cán bộ tham gia các chương trình khảo sát, học tập kinh nghiệm tại các doanh nghiệp quốc tế (Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu...).

Phát triển đội ngũ kế cận và chuẩn hóa hệ thống quản lý nhân sự:
- Xây dựng lộ trình thăng tiến và phát triển năng lực cá nhân cho từng cấp nhân viên.
- Chuẩn hóa bộ KPI – OKR, đánh giá hiệu suất theo năng lực và đóng góp.
- Kiện toàn bộ máy theo mô hình quản trị ba nhân tố: Người định hướng – Người thực thi – Người kiểm soát.
- Tăng cường vai trò của Ban Kỹ thuật Công nghệ và Chuyển đổi số để áp dụng tự động hóa, số hóa công tác nhân sự và quản lý hiệu quả.

6.7. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị đã chủ động tham gia các chương trình bảo vệ môi trường như dọn dẹp cảnh quan, tuyên truyền phân loại rác tại nguồn, đồng thời triển khai các sáng kiến xanh trong nội bộ tổ chức cũng như tại cộng đồng dân cư.

Thông qua việc tạo cơ hội việc làm, hỗ trợ đào tạo nghề, kết nối tiêu thụ sản phẩm địa phương, chúng tôi góp phần thúc đẩy đời sống kinh tế của người dân tại khu vực nơi đơn vị hoạt động.

Chúng tôi thường xuyên tổ chức hoặc tham gia các chương trình thiện nguyện, chia sẻ khó khăn với các hộ dân có hoàn cảnh đặc biệt, cũng như hỗ trợ người dân trong các tình huống thiên tai, dịch bệnh.

Các hoạt động vì cộng đồng của đơn vị đã nhận được sự đồng thuận và ủng hộ từ chính quyền và người dân địa phương. Qua đó, không chỉ góp phần tạo nên những giá trị tích cực cho xã hội, mà còn xây dựng hình ảnh tốt đẹp của đơn vị trong cộng đồng.

Năm 2025, chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng quy mô các hoạt động vì cộng đồng, ưu tiên các chương trình mang tính bền vững và có tác động lâu dài. Việc hợp tác chặt chẽ với địa phương sẽ là nền tảng để lan tỏa các giá trị nhân văn trong hành trình phát triển của đơn vị.

6.5. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN: CHƯA CÓ

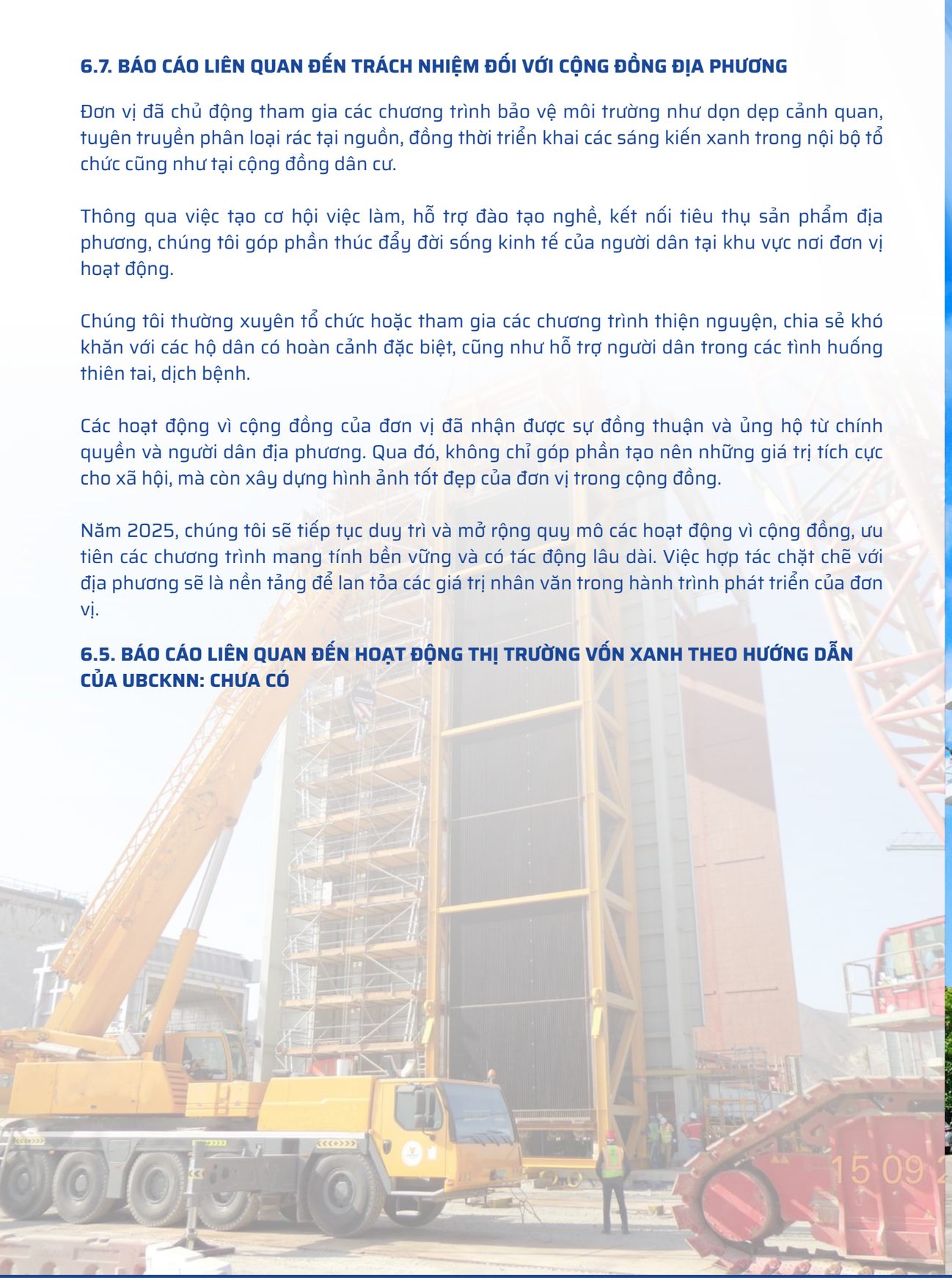

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JSC

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

TÌNH HÌNH TĂNG VỐN CHỦ SỞ HỮU: KHÔNG

ĐẦU TƯ NHÀ XƯỞNG, TRANG THIẾT BỊ

Trong năm 2024, tổng mức đầu tư của Công ty là 161.814.441.635 đồng, trong đó:

- Đầu tư mua sắm tài sản cố định (bao gồm cả tài sản thuê tài chính): 128.471.766.533 đồng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 33.342.675.102 đồng.
- Phần đầu tư xây dựng nhà xưởng khu 5.5 ha tiếp tục được triển khai và đã cơ bản hoàn thành vào cuối năm 2024.

THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ KINH DOANH TẠI MYANMAR

Tại thời điểm 31/12/2024, số vốn thực tế đã góp là 6.809.900 USD (trên tổng số vốn cam kết góp là 26.310.000 USD) tương đương 155.423.944.405 VND. Hiện nay, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Vấn đề này cho thấy khả năng tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Liên doanh. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh đánh giá rằng tình hình chính trị ở Myanmar sẽ sớm ổn định và Công ty Liên doanh sẽ sớm tiếp tục hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh như kế hoạch đã đề ra hoặc sẽ có phương án tái cơ cấu mô hình sở hữu-hoạt động trong năm 2025.

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY TNHH AMECC MYANMAR

Đối với công ty TNHH AMECC Myanmar, do dịch bệnh và bất ổn chính trị nên đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh từ cuối năm 2021 đến hết nay và tại thời điểm 31/12/2024, công ty TNHH AMECC Myanmar vẫn đang tạm dừng hoạt động.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI SẢN **NGUỒN: BCTC HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2024**

CHỈ TIÊU	NĂM 2024		NĂM 2023		TĂNG (+) /GIẢM (-) (%)
	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.201.071.578.976	67,14%	2.369.959.032.327	70,75%	-7,13%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.077.403.949.989	32,86%	979.828.000.064	29,25%	+9,96%
TỔNG TÀI SẢN	3.278.475.528.965	100%	3.349.787.032.391	100%	-2,13%

Năm 2024, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản giảm 7,13% đồng thời tỷ trọng tài sản dài hạn tăng 9,96% so với năm 2023 chủ yếu do một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm 2023 được trình bày lại theo ghi nhận của đơn vị kiểm toán, tuy nhiên cách ghi nhận này là phù hợp với tình hình thực tế tại công ty. Việc tăng đầu tư các tài sản dài hạn mục đích để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo, khi mà năm 2025 được dự đoán là tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu cũng như lợi nhuận sau thuế.

B. TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

CHỈ TIÊU	NĂM 2024		NĂM 2023		TĂNG (+) /GIẢM (-) (%)
	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ TRỌNG	
A. NỢ NH	2.168.469.650.031	87,82%	2.297.354.939.502	89,64%	-5,61%
B. NỢ DH	300.663.310.430	12,18%	265.339.628.470	10,36%	+13,31%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	2.469.132.960.461	100%	2.562.694.567.972	100%	-3,65%

So với năm 2023, Nợ ngắn hạn trong năm 2024 của công ty đã giảm 5,61% do trong năm thu hồi vốn tốt nên việc thanh toán được thực hiện kịp thời hơn, đồng thời Nợ dài hạn năm 2024 tăng 13,31% cho thấy mức độ tin cậy của ngân hàng và các tổ chức tài chính đối với công ty đã được cải thiện.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Để đáp ứng ngày một tốt hơn về chất lượng và tiến độ sản xuất, AMECC đã thực hiện cơ cấu lại tổ chức bộ máy, tách các đơn vị sản xuất thành các chi nhánh hạch toán độc lập, tạo sự chủ động gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, đồng thời, tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị và áp dụng công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất lao động, gia tăng sản lượng.

Các chính sách về giao khoán sản phẩm, định mức chi phí sản xuất các công đoạn đã và đang được nghiên cứu áp dụng, nhằm tăng công suất, năng suất lao động cũng như giảm thiểu các tác động do ngoại cảnh mang lại.

Công ty đã ban hành Bộ quy chuẩn cơ cấu tổ chức, Sơ đồ mô hình quản trị công ty, cấp Công ty và chi tiết theo từng Chi nhánh, phân cấp cơ cấu tổ chức và quy định màu của từng cấp. Đồng thời, ban hành Quyết định phân quyền phê duyệt công tác quản trị nhân sự, quy định các nội dung phân quyền phê duyệt về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển... và từng bước chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị nhân sự trong toàn hệ thống.

Bên cạnh đó, để đảm bảo phát triển tăng trưởng ổn định và bền vững, công ty tiếp tục chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực, bao gồm cả đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài, thử nghiệm luân chuyển cũng như quy hoạch cán bộ cho các vị trí chủ chốt, chủ động ứng biến với thay đổi của thị trường cũng như nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

4. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 2024, AMECC định hướng kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
	DOANH THU, TRONG ĐÓ:	**TỶ ĐỒNG**	**3.800**
1	**DOANH THU GIA CÔNG CHẾ TẠO**	**TỶ ĐỒNG**	**1.800**
2	**DOANH THU THƯƠNG MẠI**	**TỶ ĐỒNG**	**2.000**

Kế hoạch doanh thu gia công chế tạo 1800 tỷ đồng đề cập ở trên là dựa trên cơ sở các hợp đồng đã ký trong năm 2024 nhưng mới thực hiện một phần hoặc chưa thực hiện chuyển sang 2025 cũng như một số hợp đồng tiềm năng, đang đàm phán trong những tháng đầu năm 2025.

Theo đó, lợi nhuận trước thuế dự kiến năm 2025 sẽ 100 tỷ đồng do việc cắt giảm tối ưu hóa chi phí vận hành - sản xuất và gia tăng sản lượng, nâng cao năng suất lao động.

ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC MỤC TIÊU NÓI TRÊN, DOANH NGHIỆP TIẾP TỤC TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP NHƯ SAU:

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, TĂNG DOANH THU.

- Chuẩn bị tốt và tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh từ những khách hàng truyền thống hiện có. Duy trì và phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng các hợp đồng đã ký.
- Mạnh dạn mở rộng dải sản phẩm gia công chế tạo, để gia tăng lượng khách hàng đến với AMECC qua đó lựa chọn được thêm các sản phẩm/khách hàng tốt tạo doanh thu ổn định lâu dài, như các hợp đồng module, skid thiết bị, ...
- Tiếp cận các dự án năng lượng sạch, hạ tầng mà ... AMECC có lợi thế.

SỬ DỤNG ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH, TIẾT KIỆM CHI PHÍ ĐỂ TĂNG LỢI NHUẬN

- Quản trị tốt hàng tồn kho, theo sát diễn biến giá nguyên liệu, có chính sách điều tiết hợp lý.
- Cập nhật biến động tình hình kinh tế thế giới và trong nước, đặc biệt xu hướng tỷ giá, lãi suất để có chính sách điều hành ngưỡng vay nợ an toàn, giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá, dòng tiền hiệu quả.
- Định mức hóa các công đoạn sản xuất gắn với từng loại sản phẩm, đánh giá việc hoàn thành công việc gắn với việc tuân thủ định mức chi phí.
- Mục tiêu trong năm 2025, AMECC tiếp tục mở rộng hệ thống đối tác kinh doanh dài hạn, đàm phán các cơ chế hài hòa lợi ích các bên nhằm tối ưu hóa chi phí so với năm 2024.
- Chuyên sâu các giải pháp tài chính, khai thác linh hoạt các công cụ và dịch vụ tài chính đang có trên thị trường, nhằm mục tiêu giảm thiểu và tối ưu hóa chi phí vốn, hướng tới giảm chi phí lãi vay bình quân năm 2025 xuống còn 8,5% (năm 2024 đang thực hiện là 9,5%).

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nhằm thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025, AMECC dự kiến đầu tư chuyên sâu vào hệ thống nhân sự toàn công ty bao gồm:

- Áp dụng công nghệ quản trị tinh gọn MIV vào mọi hoạt động của doanh nghiệp; Xây dựng con người AMECC có tâm thế tốt để gia tăng giá trị cho mình, cho gia đình, cho Công ty, cho khách hàng và cho xã hội.
- Từng bước vận hành phần mềm ERP vào quản trị sản xuất.
- Chuẩn bị nguồn lực lao động chất lượng cao có đủ trình độ để tham gia các dự án trong nước và nước ngoài thông qua việc tuyển dụng lao động trình độ cao và đào tạo nội bộ;
- Nâng cấp hệ thống ISO để chuẩn hóa các quy trình hoạt động trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ công tác quản lý đồng thời kiện toàn hệ thống đánh giá KPI của doanh nghiệp.

TRANG BỊ THÊM MÁY MÓC THIẾT BỊ VÀ TĂNG CƯỜNG ÁP DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

- Nghiên cứu phát triển theo chiều sâu mỗi lĩnh vực hoạt động để phát huy nguồn lực và kinh nghiệm.
- Đầu tư trang thiết bị máy móc công nghệ hiện đại, tăng công suất và năng suất các công đoạn trong dây chuyền sản xuất.
- Đầu tư phát triển và tự chủ nhiều sản phẩm, bán thành phẩm cơ khí chính xác, mà trước đây AMECC phải thuê gia công ngoài hoặc phải mua sắm.
- Đầu tư phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên sâu để nghiên cứu các giải pháp công nghệ, biện pháp thi công tối ưu, nhằm tăng năng suất lao động và giảm chi phí cũng như thời gian.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính: "Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh AMECC – Myanmar Shipyards ("Công ty Liên doanh") tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar ("Myanmar") với giá gốc đầu tư là 155.423.944.405 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh này. Chúng tôi không được cung cấp các thông tin đầy đủ và phù hợp làm cơ sở cho việc không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG NÀY, CHÚNG TÔI CÓ GIẢI TRÌNH NHƯ SAU:

Tại ngày 31/12/2024, chúng tôi đang theo dõi trên khoản mục Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác khoản đầu tư Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard với số vốn thực tế đã góp là 6.809.900 USD (trên tổng cam kết góp là 26.310.000 USD) tương đương 155.423.944.405 VND, đạt tỷ lệ vốn phải góp là 15%. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Do không thu thập được đầy đủ tài liệu theo yêu cầu và không thực hiện được thủ tục kiểm toán để xác minh giá trị hiện tại của món đầu tư này,nên đơn vị kiểm toán đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trong BCTC năm 2024.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

A. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, từ đó đã chủ động triển khai nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong thời gian qua, công ty đã kiểm soát hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài nguyên như nước, năng lượng, đồng thời nâng cao hiệu suất sử dụng để tiết kiệm và tối ưu.

Công ty cũng thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính và các chất thải khác, đảm bảo việc xử lý chất thải đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh. Ngoài ra, hệ thống giám sát và đánh giá tác động môi trường được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống và hoạt động sản xuất bền vững.

B. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ LAO ĐỘNG

Người lao động luôn được coi là yếu tố then chốt trong sự phát triển bền vững của công ty. Công ty đã xây dựng chính sách lao động công bằng, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động. Môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp và thân thiện luôn được ưu tiên hàng đầu.

Bên cạnh đó, công ty chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người lao động. Các chế độ phúc lợi, đãi ngộ được thực hiện đầy đủ, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo điều kiện để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài với công ty.

C. ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn coi trọng mối quan hệ gắn bó với cộng đồng địa phương, xem đây là nền tảng để phát triển bền vững. Trong thời gian qua, công ty đã tích cực tham gia nhiều hoạt động cộng đồng như hỗ trợ giáo dục, y tế, phòng chống thiên tai, cũng như các chương trình an sinh xã hội khác.

Thông qua các hoạt động trách nhiệm xã hội, công ty không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương mà còn xây dựng hình ảnh doanh nghiệp thân thiện, có trách nhiệm. Đồng thời, công ty cũng cam kết không gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hóa, môi trường sống và sinh kế của cộng đồng xung quanh khu vực hoạt động.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ cụ thể, HĐQT Công ty đã chỉ đạo quyết liệt Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên. Nhờ đó, năm 2024, Công ty đã vượt qua các khó khăn thách thức của nền kinh tế thị trường, hoàn thành tốt nhiều chỉ tiêu về kế hoạch doanh thu, tiếp tục khẳng định uy tín của AMECC và là tiền đề cho sự ổn định và phát triển cho năm 2025.

Dưới đây là một số các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được năm 2024 của công ty mẹ:

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	SO SÁNH (TH/KH)
	DOANH THU, TRONG ĐÓ:	3.350	3.431	102%
1	DOANH THU GIA CÔNG CHẾ TẠO	2.104	2.016	96%
2	DOANH THU THƯƠNG MẠI	1.246	1.415	114%

So với kế hoạch đề ra, doanh thu năm 2024 đạt 102%. Tuy nhiên, sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu chưa đạt như mong đợi, nhưng cũng là bước tiến triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nhiều biến động trên thị trường thế giới.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức, Hội đồng Quản trị ghi nhận những nỗ lực và kết quả mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Giám đốc các Công ty thành viên đã làm được trong năm vừa qua. Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với tình hình diễn biến phức tạp của thị trường và vẫn đảm bảo thực hiện chủ trương định hướng của Hội đồng Quản trị. Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các Quy chế, Quy định quản trị nội bộ và pháp luật hiện hành.

2.1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024

Ban Tổng giám đốc cùng các cán bộ quản lý là những người giàu nhiệt huyết cũng như kinh nghiệm điều hành hiệu quả trong quản trị Doanh nghiệp và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm 2024, HĐQT đã đồng hành, giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty đều được thực hiện một cách minh bạch, đúng pháp luật, Điều lệ công ty, phương hướng của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện báo cáo đầy đủ các hoạt động của Công ty, các dự án đầu tư, các giải trình liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc phối hợp cùng HĐQT đã có các giải pháp, biện pháp chủ động ứng biến và thích nghi với tình hình thực tế.

2.1. KẾT LUẬN

Như vậy, Ban Tổng giám đốc đã cho thấy năng lực trong cả hoạt động quản lý và trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và định hướng phát triển của Doanh nghiệp, đảm bảo được lợi ích của cổ đông, Doanh nghiệp và Người lao động Công ty.

3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

3.1. ĐỊNH HƯỚNG TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Khắc phục các tồn tại và tiếp tục tái cơ cấu mô hình quản trị và quản lý cơ chế phân quyền, quyền lợi gắn với trách nhiệm để tăng hiệu quả quản lý, chuyên môn hóa, quản lý chuyên nghiệp, từng bước mở rộng quy mô trong nước và quốc tế.
- Kiểm soát chặt chẽ quản lý chất lượng và tiến độ sản xuất, chi phí và lợi nhuận để đưa ra các chiến lược nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đưa ra các chiến lược để giải quyết các vấn đề vướng mắc cũng như những khó khăn gặp phải trước các biến động kinh tế.
- Tiếp tục giám sát và chỉ đạo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện hiệu quả các chiến lược cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra cho năm 2025.
- Tiếp tục cùng Ban Tổng Giám đốc hoạch định các chiến lược, cơ hội để mở rộng quy mô công ty, kinh doanh phát triển bền vững;
- Đối với công tác phát triển nguồn nhân lực: Hoạch định các chính sách tối ưu nhất nằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty.

3.2.CHI TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CP CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2025
1	GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG	TỶ ĐỒNG	4.200
2	GIÁ TRỊ DOANH THU	TỶ ĐỒNG	3.800
3	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	TỶ ĐỒNG	100
4	TỔNG SỐ LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN	NGƯỜI	1.450 - 1.650
5	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	TỶ ĐỒNG	100 - 120
6	CHI TRẢ CỔ TỨC (%VĐL)	%	5%-10%

3.3. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN

- Phát triển và mở rộng thị trường, tăng doanh thu.
- Gia tăng doanh thu sản xuất gia công chế tạo và tối ưu hóa chi phí để tăng lợi nhuận.
- Nâng cao năng lực tổng thể cho nhân sự; thiết kế chính sách nhân sự để duy trì, phát triển, tuyển dụng và đào tạo nhân sự chất lượng cao.
- Đa dạng hóa, cơ cấu lại nguồn vốn huy động để tối ưu chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
AMECC MECHANICAL CONSTRUCTION JSC

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2024, hoạt động của Hội đồng Quản trị đã diễn ra hiệu quả, đảm bảo việc quản lý và định hướng chiến lược của doanh nghiệp. Các quyết sách được đưa ra kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, giúp nâng cao hiệu quả công việc và đạt được các mục tiêu quan trọng. Sự lãnh đạo của HĐQT đã góp phần quan trọng vào sự phát triển ổn định và bền vững của doanh nghiệp.

HĐQT đã chủ trì nhiều cuộc họp thông qua: về việc triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của Công ty.

Trong năm vừa qua, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (30/05/2024) và 05 cuộc họp HĐQT.

1.1. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CP PHỔ THÔNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	ÔNG NGUYỄN VĂN NGHĨA	CHỦ TỊCH HĐQT	10.392.000	17,32
2	ÔNG NGUYỄN VĂN THỌ	TV HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC	11.454.614	19,09
3	ÔNG KIKUGAWA TETSUYA	TV HĐQT	0	0
4	ÔNG KIMIYASU MATSUO (BẦU BỔ SUNG NGÀY 30/05/2024)	TV HĐQT	0	0
5	ÔNG NGUYỄN SƠN (BẦU BỔ SUNG NGÀY 30/05/2024)	TV HĐQT	0	0
6	ÔNG ĐINH NGỌC THẮNG	TV HĐQT	560.000	0,93
7	ÔNG LÊ MINH TUẤN	TV HĐQT	143.620	0,24
8	ÔNG INOUE YUJI (MIỄN NHIỆM NGÀY 30/05/2024)	TV HĐQT	0	0
9	ÔNG TRẦN NGỌC DƯƠNG (MIỄN NHIỆM NGÀY 30/05/2024)	TV HĐQT	0	0

1.2. CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ
1	ÔNG NGUYỄN VĂN NGHĨA	CHỦ TỊCH HĐQT	5/5
2	ÔNG NGUYỄN VĂN THỌ	TV HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC	5/5
3	ÔNG KIKUGAWA TETSUYA	TV HĐQT	5/5
4	ÔNG KIMIYASU MATSUO	TV HĐQT	3/5
5	ÔNG NGUYỄN SƠN	TV HĐQT	3/5
6	ÔNG ĐINH NGỌC THẮNG	TV HĐQT	5/5
7	ÔNG LÊ MINH TUẤN	TV HĐQT	5/5
8	ÔNG INOUE YUJI	TV HĐQT	2/5
9	ÔNG TRẦN NGỌC DƯƠNG	TV HĐQT	2/5

1.3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

Hội đồng Quản trị đã triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chuẩn bị dự thảo chương trình họp, thông báo và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp. Dựa trên Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các quyết định đã được thông qua. Đồng thời, HĐQT theo dõi sát tình hình kinh tế, biến động giá cả thị trường và tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo Ban điều hành đưa ra các kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ để Giám đốc công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, kế hoạch cho năm tiếp theo và kế hoạch tăng vốn điều lệ. Hoạt động quản trị công ty được thực hiện theo đúng Quy chế Quản trị, Điều lệ Công ty và các Quy chế của HĐQT, đồng thời giám sát và kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT. Các Nghị quyết đều được giao cho Ban Tổng Giám đốc triển khai và báo cáo lại cho HĐQT. Các quyết định khác của HĐQT cũng được lập thành Nghị quyết và giao cho các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện.

1.4. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2024/NQ-HĐQT-AMECC	29/03/2024	GIA HẠN THỜI GIAN TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT-AMECC	30/05/2024	BỔ NHIỆM VỊ TRÍ PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI TRƯƠNG BÁ MINH	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT-AMECC	17/07/2024	THÔNG QUA LỰA CHỌN CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC LÀ ĐƠN VỊ ĐỘC LẬP THỰC HIỆN KIỂM TOÁN NĂM 2024	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT-AMECC	09/08/2024	THÔNG QUA KẾ HOẠCH CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2023	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT-AMECC	16/12/2024	KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC CÁC ĐƠN VỊ VÀ KẾ HOẠCH NHÂN SỰ CUỐI NĂM 2024	100%

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN BKS

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU (CP PHỔ THÔNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	BÀ PHẠM MINH HIẾU	TRƯỞNG BKS	0	0
2	ÔNG FUJIWARA NORIMASA	TV BKS	0	0
3	ÔNG VŨ ĐÌNH THÔNG	TV BKS	0	0

2.2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2024

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát (BKS) đã thực hiện vai trò giám sát đối với các hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và Điều lệ của Công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời, đưa ra các phương án và giám sát Ban Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất phát sinh theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp nhằm triển khai công tác giám sát cũng như phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành, trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển. Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Ban Giám đốc và các bộ máy quản lý thực hiện đúng chức năng và thẩm quyền, tuân thủ các quy định của pháp luật, Ban điều hành đã chủ động đưa ra các phương án, chính sách kinh doanh và quyết liệt trong thực thi công việc, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Công ty năm 2024. Ban Giám đốc đã xây dựng các chiến lược và chính sách linh hoạt đối với người lao động, cũng như bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự theo đúng chức năng và nhiệm vụ được giao nhằm xây dựng cơ cấu tổ chức ổn định và vững mạnh.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong năm 2024 Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu nhập các thông tin theo yêu cầu.

3. GIAO DỊCH VÀ THÙ LAO HĐQT, BKS VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý được hưởng thù lao theo quy định của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024, cụ thể như sau:

3.1. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THU NHẬP (VNĐ)
1	ÔNG NGUYỄN VĂN NGHĨA	CHỦ TỊCH HĐQT	120.000.000
2	ÔNG NGUYỄN VĂN THỌ	TV HĐQT TỔNG GIÁM ĐỐC	1.002.270.845
3	ÔNG NGUYỄN SƠN	TV HĐQT	49.000.000
4	ÔNG ĐINH NGỌC THẮNG	TV HĐQT	84.000.000
5	ÔNG LÊ MINH TUẤN	TV HĐQT PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	861.056.603
6	ÔNG KIMIYASU MATSUO	TV HĐQT	249.620.000
7	ÔNG INOUE YUJI	TV HĐQT (ĐÃ MIỄN NHIỆM)	401.570.000
8	ÔNG TRẦN NGỌC DƯƠNG	TV HĐQT (ĐÃ MIỄN NHIỆM)	35.000.000
9	ÔNG TRƯƠNG BÁ MINH	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	104.781.240
10	BÀ PHẠM MINH HIẾU	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	356.107.694
11	ÔNG VŨ ĐÌNH THÔNG	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	304.760.923

3.2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ ĐĂNG KÝ TRONG NĂM 2024: KHÔNG CÓ

3.3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ: KHÔNG CÓ

3.4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 2024

(Được đính kèm theo Báo cáo thường niên này)

NƠI NHẬN:
- HNX, UBCKNN, HHĐQT
- LƯU: VT.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

M.S.D.N: 0200780983 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 49
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần LISEMCO 2, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 03 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên	
Ông Kikugawa Tetsuya	Thành viên	
Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên	
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Kimiyasu Matsuo	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/05/2024)
Ông Nguyễn Sơn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30/05/2024)
Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30/05/2024)
Ông Inoue Yuji	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30/05/2024)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trương Bá Minh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/05/2024)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng ban
Ông Fujiwara Norimasa	Thành viên
Ông Vũ Đình Thông	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Văn Thọ - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 0200786... CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Số: 280325.007/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC được lập ngày 27 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc - Myanmar Shipyards ("Công ty Liên doanh") tại nước Cộng hòa Liên bang Myanmar ("Myanmar") với giá gốc khoản đầu tư là 155.423.944.405 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh này. Chúng tôi không được cung cấp các thông tin đầy đủ và phù hợp làm cơ sở cho việc không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này cũng như các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiểm toán kiến ngoại trừ đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 08 tháng 04 năm 2024.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Hoàng Thị Thu Hương
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0899-2023-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Lê Văn Hưng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 3953-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**2.201.071.578.976**	**2.369.959.032.327**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**186.363.602.406**	**219.535.818.730**
111	1. Tiền		141.715.019.470	143.487.719.933
112	2. Các khoản tương đương tiền		44.648.582.936	76.048.098.797
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**81.228.997.074**	**46.950.072.235**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		81.228.997.074	46.950.072.235
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**906.154.400.070**	**1.160.683.997.767**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	681.032.694.869	521.915.021.900
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	75.697.317.530	87.039.287.482
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	7	140.158.176.954	509.350.839.015
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	15.998.360.072	11.498.360.072
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	9	70.814.884.946	97.952.358.646
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(77.547.034.301)	(67.071.869.348)
140	**IV. Hàng tồn kho**	11	**993.398.831.319**	**923.418.417.722**
141	1. Hàng tồn kho		993.398.831.319	928.589.847.575
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(5.171.429.853)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**33.925.748.107**	**19.370.725.873**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	15.255.734.778	3.050.945.616
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		18.669.085.886	16.318.852.665
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	927.443	927.592
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.077.403.949.989**	**979.828.000.064**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**22.883.917.137**	**5.326.553.067**
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	22.883.917.137	5.326.553.067
220	**II. Tài sản cố định**		**617.610.009.654**	**531.887.771.108**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	239.781.885.761	228.803.537.738
222	- *Nguyên giá*		*508.319.638.331*	*466.624.885.390*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(268.537.752.570)*	*(237.821.347.652)*
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	345.503.411.257	269.983.273.998
225	- *Nguyên giá*		*438.244.069.750*	*330.615.980.732*
226	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(92.740.658.493)*	*(60.632.706.734)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	32.324.712.636	33.100.959.372
228	- *Nguyên giá*		*49.510.893.197*	*48.715.876.397*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(17.186.180.561)*	*(15.614.917.025)*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**12**	**168.841.566.486**	**179.114.896.532**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		168.841.566.486	179.114.896.532
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**241.801.684.065**	**248.741.223.219**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		78.267.739.660	78.457.278.814
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		162.543.944.405	162.543.944.405
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		990.000.000	7.740.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**26.266.772.647**	**14.757.556.138**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	2.872.263.492	429.456.405
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36	23.394.509.155	14.328.099.733
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**3.278.475.528.965**	**3.349.787.032.391**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**2.469.132.960.461**	**2.562.694.567.972**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**2.168.469.650.031**	**2.297.354.939.502**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	406.198.627.618	332.900.137.250
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	421.021.952.032	409.898.591.889
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	48.923.839.335	22.155.884.358
314	4. Phải trả người lao động		26.910.734.964	20.940.715.746
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	37.637.370.640	95.621.992.460
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23	35.000.000	35.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	32.694.758.974	149.880.545.861
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	1.195.026.106.468	1.255.994.041.400
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	9.903.843.350
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.260.000	24.187.188
330	**II. Nợ dài hạn**		**300.663.310.430**	**265.339.628.470**
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	100.858.968.505	96.803.412.954
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	199.804.341.925	168.536.215.516
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**809.342.568.504**	**787.092.464.419**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**24**	**809.342.568.504**	**787.092.464.419**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		600.000.000.000	600.000.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*600.000.000.000*	*600.000.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3.255.000.000)	(3.255.000.000)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25	1.770.328.776	460.911.386
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		154.611.356.684	54.297.552.322
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.215.883.044	135.589.000.711
421a	- *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*1.175.040.864*	*83.096.426.109*
421b	- *LNST chưa phân phối năm nay*		*55.040.842.180*	*52.492.574.602*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**3.278.475.528.965**	**3.349.787.032.391**

Vũ Thị Phương Hảo	Nguyễn Hữu Phong	Nguyễn Văn Thọ
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**27**	**3.431.984.881.188**	**3.003.591.091.488**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**3.431.984.881.188**	**3.003.591.091.488**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**28**	**3.114.842.046.659**	**2.756.642.522.030**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**317.142.834.529**	**246.948.569.458**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	22.629.476.708	20.670.909.090
22	7. Chi phí tài chính	30	118.575.070.342	105.603.808.617
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*106.087.685.037*	*99.040.717.578*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(189.539.154)	61.804.147
25	9. Chi phí bán hàng	31	43.552.740.309	3.381.024.966
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	84.106.630.428	91.630.198.282
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**93.348.331.004**	**67.066.250.830**
31	12. Thu nhập khác	33	7.321.605.765	11.173.789.719
32	13. Chi phí khác	34	36.491.275.008	21.803.061.193
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(29.169.669.243)**	**(10.629.271.474)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**64.178.661.761**	**56.436.979.356**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35	18.204.229.003	11.361.476.743
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	36	(9.066.409.422)	(7.417.071.989)
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**55.040.842.180**	**52.492.574.602**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**		**55.040.842.180**	**52.492.574.602**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		-	-
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**37**	**917**	**1.032**

Vũ Thị Phương Hảo	Nguyễn Hữu Phong	Nguyễn Văn Thọ
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***64.178.661.761***	***56.436.979.356***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		70.475.712.903	54.400.832.017
03	- Các khoản dự phòng		(4.600.108.250)	25.902.050.431
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		576.056.120	6.208.401.430
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.016.348.037)	(11.013.051.981)
06	- Chi phí lãi vay		106.087.685.037	99.040.717.578
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(7.889.265.258)	-
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***218.812.394.276***	***230.975.928.831***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		232.944.720.411	(461.121.532.480)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(64.808.983.744)	(8.381.068.121)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(63.858.525.239)	(200.442.686.161)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(14.647.596.249)	2.036.690.851
14	- Tiền lãi vay đã trả		(106.087.685.037)	(99.040.717.578)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.572.366.970)	(17.599.095.672)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.927.188)	(947.173.500)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***182.779.030.260***	***(554.519.653.830)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(159.465.214.778)	(178.699.538.230)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		16.895.912.278	78.714.246.857
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(36.459.722.656)	(108.908.660.072)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.430.797.817	141.764.794.488
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(67.311.644.147)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.100.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.803.025.628	6.898.062.551
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(169.795.201.711)***	***(126.442.738.553)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	233.471.350.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.629.322.753.211	2.299.102.122.619
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.603.239.298.834)	(1.787.719.670.868)
35	4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(55.783.262.900)	(30.438.134.152)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.000.000.000)	-
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(47.699.808.523)***	***714.415.667.599***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(34.715.979.974)**	**33.453.275.216**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**219.535.818.730**	**186.014.226.368**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.543.763.650	68.317.146
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**186.363.602.406**	**219.535.818.730**

M.S.D.N: 0200786983 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG AMECC THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Vũ Thị Phương Hảo	**Nguyễn Hữu Phong**	**Nguyễn Văn Thọ**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng AMECC (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần LISEMCO 2, là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200786983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 03 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km 35, Quốc lộ 10, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 600.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 600.000.000.000 VND; tương đương 60.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của toàn Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 1.234 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 1.238 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Gia công chế tạo kết cấu thép và thiết bị;
- Xây dựng và lắp đặt các hạng mục dự án;
- Tổng thầu/Nhà thầu EPC các dự án dân dụng và công nghiệp.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Amecc Myanmar	Myanmar	100%	100%	Gia công, chế tạo, lắp đặt kết cấu thép, kinh doanh thương mại

Tại 31/12/2024, Công ty con - Công ty TNHH Amecc Myanmar đang tạm dừng hoạt động do các bất ổn chính trị tại Myanmar. Tuy nhiên, tài sản của Công ty con này không trọng yếu nên không ảnh hưởng đến báo cáo hợp nhất.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Dự phòng phải trả
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6. Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu
Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.
Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 46 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	04 - 20 năm

2.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty là công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.21. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được ghi vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì: doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn; chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.24. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong , được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.25. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	17.112.039.829	7.134.442.002
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	124.602.979.641	136.353.277.931
- Các khoản tương đương tiền	44.648.582.936	76.048.098.797
	186.363.602.406	**219.535.818.730**

Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 44.648.582.936 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,8%/năm đến 3,6%/năm. Các khoản tương đương tiền này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	81.228.997.074	-	46.950.072.235	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	81.228.997.074	-	46.950.072.235	-
Đầu tư dài hạn	990.000.000	-	7.740.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (2)	190.000.000	-	6.940.000.000	-
- Trái phiếu (3)	800.000.000	-	800.000.000	-
	82.218.997.074	-	**54.690.072.235**	-

(1) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng có giá trị 81.228.997.074 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 7%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư dài hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn còn lại 14 tháng, có giá trị 190.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,9%/năm.

(3) Số dư trái phiếu nắm giữ tại thời điểm 31/12/2024 là các trái phiếu mua theo các giấy chứng nhận với Ngân hàng TMCP Công thương, kỳ hạn 10 năm, lãi suất biên từ 1,2%/năm - 1,3%/năm; Mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu; Thời gian đáo hạn từ 27/09/2029 đến 01/11/2033.

Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 22.016.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2024				01/01/2024		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
				VND			VND
Đầu tư vào Công ty liên kết				**78.267.739.660**			**78.457.278.814**
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	Hải Phòng	23,50%	23,50%	11.352.736.979	23,50%	23,50%	11.206.730.852
- Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu	Hải Phòng	20,42%	20,42%	66.915.002.681	20,42%	20,42%	67.250.547.962
				78.267.739.660			**78.457.278.814**

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2024		01/01/2024	
				Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
				VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				**162.543.944.405**	-	**162.543.944.405**	-
- Công ty Cổ phần Lisemco 3	Hải Phòng	(**)	(**)	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Lisemco 5	Hải Phòng	(**)	(**)	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Amecc GT	Hải Phòng	11,53%	11,53%	6.920.000.000	-	6.920.000.000	-
- Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard (*)	Myanmar	15,00%	15,00%	155.423.944.405	-	155.423.944.405	-
				162.543.944.405	-	**162.543.944.405**	-

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard: Tại ngày 31/12/2024, số vốn thực tế đã góp là 6.809.900 USD (trên tổng cam kết góp là 26.310.000 USD) tương đương 155.423.944.405 VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Liên doanh đang tạm dừng hoạt động và không thực hiện được công tác lập báo cáo tài chính do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar. Vấn đề này cho thấy khả năng tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Liên doanh. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị của Công ty Liên doanh đánh giá rằng tình hình chính trị ở Myanmar sẽ sớm ổn định và Công ty Liên doanh sẽ sớm tiếp tục hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh như kế hoạch đã đề ra. Trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá và kết luận không cần trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh.

(**) Tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa thu thập đầy đủ thông tin về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của các khoản đầu tư trên.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh 43.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***54.203.585.099***	-	***432.768.118***	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	54.000.378.947	-	432.768.118	-
- Công ty Cổ phần AMECC GT	203.206.152	-	-	-
Bên khác	***626.829.109.770***	***(77.547.034.301)***	***521.482.253.782***	***(67.071.869.348)***
- Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Bút Sơn	2.767.915.977	-	68.785.082.722	-
- BHI Co., Ltd	-	-	32.766.590.231	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ T-Tech Việt Nam	14.350.684.524	-	91.688.717.424	-
- Liên danh MC - HDEC - CC1	103.333.959.222	-	-	-
- Joint Venture of Samsung Engineering CO., LTD and CTCI Corporation (SCJV)	92.579.088.640	-	-	-
- Samsung Engineering Co., Ltd	61.585.807.975	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	352.211.653.432	(77.547.034.301)	328.241.863.405	(67.071.869.348)
	681.032.694.869	**(77.547.034.301)**	**521.915.021.900**	**(67.071.869.348)**

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	***119.741.873***	-	***119.741.873***	-
- Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard	119.741.873	-	119.741.873	-
Bên khác	***75.577.575.657***	-	***86.919.545.609***	-
- Tianjin Hulai International Trade Co., Ltd	-	-	9.227.203.586	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng & Đầu tư Phát triển Bạch Đằng 12	11.874.260.299	-	11.874.260.299	-
- Arsen International (HK) Limited	-	-	15.298.291.656	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kỹ thuật Công nghệ xanh	10.687.551.124	-	2.976.647.367	-
- Các đối tượng khác	53.015.764.234	-	47.543.142.701	-
	75.697.317.530	-	**87.039.287.482**	-

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên khác		
- Liên danh MC - HDEC - CC1	85.934.517.727	446.657.821.269
- Joint Venture of Samsung Engineering CO., LTD and CTCI Corporation (SCJV)	-	62.693.017.746
- Terra Nova Technologies, Inc	54.223.659.227	-
	140.158.176.954	**509.350.839.015**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
- Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu (*)	11.498.360.072	-	4.500.000.000	-	15.998.360.072	-
	11.498.360.072	**-**	**4.500.000.000**	**-**	**15.998.360.072**	**-**

(*) Khoản phải thu về cho vay của Công ty Cổ phần Trung Tâm Module Toàn Cầu (GMC) theo Hợp đồng số 1603/2023/HĐVT/AMECC-GMC ngày 16/03/2023, không có tài sản bảo đảm, lãi suất 0%, thời hạn cho vay từ ngày giải ngân đến khi GMC có doanh thu, khoản cho vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của GMC.

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về thuế GTGT liên quan đến hoạt động thuê tài chính	15.479.341.275	-	12.917.246.869	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.075.629.444	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	245.371.000	-	-	-
- Tạm ứng	32.940.395.869	-	22.557.885.197	-
- Ký cược, ký quỹ	18.745.470.527	-	49.975.513.763	-
- Phải thu khác	1.328.676.831	-	12.501.712.817	-
	70.814.884.946	**-**	**97.952.358.646**	**-**
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	-	21.006.781.707	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	8.067.408.427	-	12.180.925.513	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	5.488.476.063	-	8.463.915.125	-
- Ông Nguyễn Văn Quỳnh	17.988.611.903	-	29.598.720	-
- Các đối tượng khác	39.270.388.553	-	56.271.137.581	-
	70.814.884.946	**-**	**97.952.358.646**	**-**
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
- Ký cược, ký quỹ	22.883.917.137	-	5.326.553.067	-
	22.883.917.137	**-**	**5.326.553.067**	**-**
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
- Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	18.047.382.500	-	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.045.706.500	-	2.377.248.000	-
- Các đối tượng khác	2.790.828.137	-	2.949.305.067	-
	22.883.917.137	**-**	**5.326.553.067**	**-**

10. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng	85.607.324.836	8.060.290.535	77.154.533.961	10.082.664.613
+ Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	*8.421.218.254*	-	*8.421.218.254*	-
+ Công ty Cổ phần Xi măng Lạng Sơn	*6.981.936.919*	-	*6.981.936.919*	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải miền Bắc	*5.880.708.879*	-	*5.880.708.879*	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Nam	*11.470.778.149*	-	*11.470.778.149*	*3.441.233.445*
+ Công ty TNHH HAMON Việt	*11.267.777.447*	-	*11.267.777.447*	-
+ Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - Công ty Cổ phần	*4.911.802.500*	-	*4.911.802.500*	-
+ Khin Maung Nyunt Steel Products & Galvanizing Co.,Ltd	*6.113.944.020*	*2.032.273.049*	*5.830.958.530*	*2.987.743.800*
+ Các đối tượng khác	*30.559.158.668*	*6.028.017.486*	*22.389.353.283*	*3.653.687.368*
	85.607.324.836	**8.060.290.535**	**77.154.533.961**	**10.082.664.613**

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	363.438.676.505	-	522.654.193.560	(5.171.429.853)
- Công cụ, dụng cụ	2.961.095.074	-	7.810.885.109	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	626.999.059.740	-	398.124.768.906	-
Dự án BHI012	*320.654.693.505*	-	-	-
Dự án QTRACH002	*43.891.477.983*	-	*116.060.691.807*	-
Dự án MSDA002	*43.668.975.104*	-	*43.668.975.104*	-
Dự án VAECO01	*35.958.268.209*	-	*34.706.722.265*	-
Dự án HYD016	*29.837.257.706*	-	*34.159.128.183*	-
Các dự án khác	*163.177.526.124*	-	*169.529.251.547*	-
	993.398.831.319	-	**928.589.847.575**	**(5.171.429.853)**

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng khu 2 (1)	165.431.862.244	138.667.023.775
Gia công chế tạo giá kê bán thành phẩm tại Nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị AMECC	-	31.829.683.821
Đầu tư xây dựng Nhà xưởng tại Cảng Nam Đình Vũ	-	8.067.444.506
Các công trình khác	3.409.704.242	550.744.430
	168.841.566.486	**179.114.896.532**

(1) Tên Dự án: Đầu tư Xây dựng nhà xưởng khu 2
- Địa điểm xây dựng: huyện An Lão, Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng thêm nhà xưởng, nâng cấp toà nhà văn phòng, hệ thống đường nội bộ, cấp thoát nước, điện, mua máy móc thiết bị,..;
- Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay;
- Tổng mức đầu tư: 225 tỷ VND;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ tháng 01/2022, dự kiến hoàn thành trong quý II/2025;
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2024: đã hoàn thành 1 số hạng mục như: Nhà xưởng sản xuất số 1 (A6), nhà vệ sinh chung, nhà để xe 02, trạm biến áp, bể nước PCCC, các hạng mục còn lại đang tiếp tục thực hiện.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	229.553.659.998	165.046.393.051	37.360.669.711	19.628.772.183	15.035.390.447	466.624.885.390
- Mua trong năm	-	17.103.918.513	2.226.189.556	1.986.137.553	31.829.683.821	53.145.929.443
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	8.169.509.563	8.169.509.563
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	33.468.300	33.468.300
- Thanh lý, nhượng bán	-	(17.606.226.638)	(2.047.927.727)	-	-	(19.654.154.365)
Số dư cuối năm	**229.553.659.998**	**164.544.084.926**	**37.538.931.540**	**21.614.909.736**	**55.068.052.131**	**508.319.638.331**
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	79.388.976.940	122.952.992.830	26.420.626.232	5.935.089.911	3.123.661.739	237.821.347.652
- Khấu hao trong năm	11.562.845.703	11.529.798.186	2.429.083.820	6.515.366.385	4.759.403.514	36.796.497.608
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	5.381.516	5.381.516
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.691.823.562)	(393.650.644)	-	-	(6.085.474.206)
Số dư cuối năm	**90.951.822.643**	**128.790.967.454**	**28.456.059.408**	**12.450.456.296**	**7.888.446.769**	**268.537.752.570**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	150.164.683.058	42.093.400.221	10.940.043.479	13.693.682.272	11.911.728.708	228.803.537.738
Tại ngày cuối năm	**138.601.837.355**	**35.753.117.472**	**9.082.872.132**	**9.164.453.440**	**47.179.605.362**	**239.781.885.761**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 68.697.399.868 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 122.620.448.523 VND.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	328.613.757.332	2.002.223.400	330.615.980.732
- Thuê tài chính trong năm	105.970.589.018	1.657.500.000	107.628.089.018
Số dư cuối năm	**434.584.346.350**	**3.659.723.400**	**438.244.069.750**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	60.483.971.397	148.735.337	60.632.706.734
- Khấu hao trong năm	31.051.108.964	1.056.842.795	32.107.951.759
Số dư cuối năm	**91.535.080.361**	**1.205.578.132**	**92.740.658.493**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	268.129.785.935	1.853.488.063	269.983.273.998
Tại ngày cuối năm	**343.049.265.989**	**2.454.145.268**	**345.503.411.257**

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	44.042.972.877	4.672.903.520	48.715.876.397
- Mua trong năm	-	795.016.800	795.016.800
Số dư cuối năm	**44.042.972.877**	**5.467.920.320**	**49.510.893.197**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	13.953.516.396	1.661.400.629	15.614.917.025
- Khấu hao trong năm	960.652.584	610.610.952	1.571.263.536
Số dư cuối năm	**14.914.168.980**	**2.272.011.581**	**17.186.180.561**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	30.089.456.481	3.011.502.891	33.100.959.372
Tại ngày cuối năm	**29.128.803.897**	**3.195.908.739**	**32.324.712.636**

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm 2 thửa đất với diện tích lần lượt là là 89.083,9 m^2 và 55.126,83 m^2 tại xã Quốc Tuấn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, đang được sử dụng để xây dựng Nhà máy sản xuất thiết bị đồng bộ Lisemco 2.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	306.938.459	3.050.945.616
- Chi phí sửa chữa tài sản	14.948.796.319	-
	15.255.734.778	**3.050.945.616**
b) Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.872.263.492	429.456.405
	2.872.263.492	**429.456.405**

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	1.202.886.530.655	1.202.886.530.655	2.530.853.624.509	2.590.084.977.576	1.143.655.177.588	1.143.655.177.588
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	10.954.321.258	10.954.321.258	12.494.437.467	10.954.321.258	12.494.437.467	12.494.437.467
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	42.153.189.487	42.153.189.487	38.876.491.413	42.153.189.487	38.876.491.413	38.876.491.413
	1.255.994.041.400	**1.255.994.041.400**	**2.582.224.553.389**	**2.643.192.488.321**	**1.195.026.106.468**	**1.195.026.106.468**
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	64.001.458.432	64.001.458.432	800.000.000	13.154.321.258	51.647.137.174	51.647.137.174
- Nợ thuê tài chính dài hạn	157.642.267.829	157.642.267.829	97.669.128.702	55.783.262.900	199.528.133.631	199.528.133.631
	221.643.726.261	**221.643.726.261**	**98.469.128.702**	**68.937.584.158**	**251.175.270.805**	**251.175.270.805**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(53.107.510.745)	(53.107.510.745)			(51.370.928.880)	(51.370.928.880)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	**168.536.215.516**	**168.536.215.516**			**199.804.341.925**	**199.804.341.925**

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024	01/01/2024
						VND	VND
Bên khác						**1.143.655.177.588**	**1.202.886.530.655**
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	VND	Thả nổi	Từ 30/03/2025 đến 27/06/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, các tài sản hình thành trong tương lai, quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hàng tồn kho	285.660.182.691	339.970.519.519
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng (1)	VND và USD	Thả nổi	Từ 16/01/2025 đến 26/09/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Phương tiện vận tải, giấy tờ có giá, cổ phiếu AMS của một số cổ đông lớn, quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty	151.517.310.205	34.385.673.384
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng (2)	VND và USD	Thả nổi	Từ 10/01/2025 đến 23/09/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Bất động sản và cổ phiếu của một số cổ đông lớn, quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hợp đồng tiền gửi	314.099.240.303	508.875.024.997
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng	VND	7,80%	Từ 24/02/2025 đến 12/08/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hàng tồn kho	147.364.520.884	108.807.092.799

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024	01/01/2024
						VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng (3)	VND và USD	Thả nổi	Từ 22/01/2025 đến 22/09/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Quyền sử dụng đất, hợp đồng tiền gửi và quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty, hợp đồng tiền gửi	113.637.852.586	123.027.244.791
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	VND	Thả nổi	Từ 02/01/2025 đến 27/02/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng, bất động sản của một số cổ đông lớn	29.077.418.070	19.998.672.764
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	Thả nổi	Từ 06/01/2025 đến 24/09/2025	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	Hàng tồn kho, cổ phiếu AMS của một số cổ đông lớn và quyền đòi nợ từ các hợp đồng bán hàng của Công ty	94.523.713.078	60.480.206.284
Các cá nhân khác	VND	Thả nổi	12 tháng	Bổ sung vốn	Tín chấp	7.774.939.771	7.342.096.117
						1.143.655.177.588	**1.202.886.530.655**

Số dư các khoản vay ngắn hạn bằng ngoại tệ cụ thể như sau:

	31/12/2024	31/12/2024	01/01/2024	01/01/2024
	USD	quy đổi sang VND	USD	quy đổi sang VND
(1) Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	3.735.317	95.441.084.667	-	-
(2) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hải Phòng	4.575.326	116.904.148.494	1.795.370	27.851.902.236
(3) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	2.171.558	55.485.477.436	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2024	01/01/2024
						VND	VND
Bên liên quan						-	**2.200.000.000**
Bà Nguyễn Thị Hà	VND	10,00%	31/12/2024	Bổ sung vốn	Tín chấp	-	2.200.000.000
Bên khác						**51.647.137.174**	**61.801.458.432**
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	VND	12,00%	26/08/2026	Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh	03 xe ô tô	750.746.640	1.315.386.648
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng	VND	9,80%	20/01/2030	Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh	Tài sản hình thành đầu tư Nhà máy thiết bị đồng bộ 5,5 HA	46.291.361.610	55.111.401.610
Ngân hàng TMCP Phương Đông	VND	9,80%	05/07/2028	Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh	Hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái nhà 998 kW	3.805.028.924	5.017.628.924
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nam Hải Phòng	VND	12,00%	Đã tất toán	Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh	Tài sản máy móc thiết bị	-	357.041.250
Bà Trần Thị Oanh	VND	10,00%	25/01/2026	Bổ sung vốn	Tín chấp	800.000.000	-
						51.647.137.174	**64.001.458.432**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(12.494.437.467)	(10.954.321.258)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						**39.152.699.707**	**53.047.137.174**

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

	Loại tài sản	Thời hạn thuê	Lãi suất	31/12/2024	01/01/2024
				VND	VND
Bên khác				**199.528.133.631**	**157.642.267.829**
- Công ty TNHH Cho thuê Tài chính quốc tế Chailease	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	Đã tất toán	Thả nổi	-	2.205.270.996
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	60 tháng	Thả nổi	63.163.533.497	62.347.828.211
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	36 tháng	5,97% - 6,40%	68.069.837.654	21.452.316.568
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	36 - 60 tháng	Thả nổi	68.294.762.480	71.636.852.054
				199.528.133.631	**157.642.267.829**
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(38.876.491.413)	(42.153.189.487)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				**160.651.642.218**	**115.489.078.342**

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	***67.465.435.887***	***67.465.435.887***	***36.830.602.228***	***36.830.602.228***
- Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	904.912.810	904.912.810	1.215.541.231	1.215.541.231
- Công ty Cổ phần AMECC GT	66.560.523.077	66.560.523.077	35.615.060.997	35.615.060.997
Bên khác	***338.733.191.731***	***338.733.191.731***	***296.069.535.022***	***296.069.535.022***
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVSHIPYARD) (*)	48.601.951.542	48.601.951.542	45.689.821.004	45.689.821.004
- Công ty TNHH Marubeni Itochu steel Việt Nam	64.145.945.981	64.145.945.981	4.755.233.493	4.755.233.493
- Công ty TNHH Itochu Việt Nam	25.699.353.904	25.699.353.904	27.431.919.228	27.431.919.228
- Phải trả các đối tượng khác	200.285.940.304	200.285.940.304	218.192.561.297	218.192.561.297
	406.198.627.618	**406.198.627.618**	**332.900.137.250**	**332.900.137.250**

(*) Trong đó, số dư theo phải trả theo phán quyết số 1658/VIVC của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam ngày 19/10/2022 là 15.015.885.044 VND (bao gồm nợ gốc, lãi chậm trả và phí trọng tài) - chi tiết xem tại Thuyết minh số 40.

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVSHIPYARD)	48.601.951.542	48.601.951.542	45.689.821.004	45.689.821.004
	48.601.951.542	**48.601.951.542**	**45.689.821.004**	**45.689.821.004**

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	***13.843.501.673***	***19.297.835.179***
- Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard	13.843.501.673	13.843.501.673
- Công ty Cổ phần AMECC GT	-	5.454.333.506
Bên khác	***407.178.450.359***	***390.600.756.710***
- Liên danh Samsung Engineering Co.,Ltd and CTCI Corporation (SCJV)	-	69.326.211.940
- Liên danh MC - HDEC - CC1	-	152.381.215.794
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy Bay	75.065.907.540	75.065.907.540
- BHI Co., Ltd	242.594.364.035	-
- Terra Nova Technologies, Inc	49.848.364.465	7.284.603.376
- Người mua trả tiền trước khác	39.669.814.319	86.542.818.060
	421.021.952.032	**409.898.591.889**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	41.345.002	28.912.390.608	9.429.642.789	-	19.524.092.821
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	1.809.701	614.605	2.424.306	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.007.670.908	26.415.119.230	19.572.366.970	-	24.850.423.168
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.465.375.697	5.422.808.946	5.377.923.196	-	2.510.261.447
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	1.499.138.800	4.216.907.745	3.676.984.646	-	2.039.061.899
Các loại thuế khác	-	140.544.250	6.178.564.438	6.319.108.688	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	927.592	-	700.084.580	700.084.431	927.443	-
	927.592	**22.155.884.358**	**71.846.490.152**	**45.078.535.026**	**927.443**	**48.923.839.335**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Trích trước chi phí thi công các công trình	37.637.370.640	95.621.992.460
	37.637.370.640	**95.621.992.460**

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	641.479.064	317.056.619
- Bảo hiểm xã hội	11.822.722.449	21.276.622.924
- Bảo hiểm y tế	55.698.712	4.039.250.429
- Bảo hiểm thất nghiệp	26.113.740	1.599.935.122
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.250.852.576	2.250.852.576
- Phải trả về UPAS LC	2.099.758.942	102.250.428.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.798.133.491	18.146.399.891
	32.694.758.974	**149.880.545.861**
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Bên liên quan	-	***4.055.555.551***
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	-	4.055.555.551
Bên khác	***32.694.758.974***	***145.824.990.310***
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	1.732.086.639	63.297.404.280
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hải Phòng	367.672.303	36.873.602.273
- Cơ quan BHXH Hải Phòng	11.902.062.136	26.915.808.475
- Các đối tượng khác	18.692.937.896	18.738.175.282
	32.694.758.974	**149.880.545.861**
b) Dài hạn		
Bên liên quan		
- Tạm ứng thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư từ ông Nguyễn Văn Nghĩa (*)	96.803.412.954	96.803.412.954
- Lãi vay phải trả ông Nguyễn Văn Nghĩa	4.055.555.551	-
	100.858.968.505	**96.803.412.954**
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Cơ quan BHXH Hải Phòng	10.997.995.985	26.915.808.475

(*) Khoản tạm ứng của ông Nguyễn Văn Nghĩa cho Công ty để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0121/HĐCN-AMECC ngày 15/05/2021. Theo nội dung hợp đồng AMECC đồng ý chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Nghĩa:
(1) 68.099 cổ phần tương ứng giá trị 6.809.900 USD tương đương 155.423.944.405 VND, chiếm 6,8% tổng số cổ phần Công ty liên doanh Myanmar Shipyards - AMECC.
(2) Chi phí sản xuất dở dang thuộc dự án "Xây dựng và cung cấp thiết bị - Dự án nhà máy kết cấu thép (MSDA-002) Myanmar" tương ứng với giá trị 43.668.975.104 VND.
Tổng giá trị chuyển nhượng là 199.092.919.509 VND.
Ông Nguyễn Văn Nghĩa đồng ý góp giá trị chuyển nhượng trên với AMECC để đầu tư vốn vào Công ty liên doanh Myanmar Shipyards - AMECC.
Hiện tại do tình hình nội chiến tại Myanmar nên hợp đồng này chưa được thực hiện.

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	35.000.000	35.000.000
	35.000.000	**35.000.000**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**366.298.650.000**	**(3.025.000.000)**	**(2.378.845.000)**	**54.297.552.322**	**83.096.426.109**	**498.288.783.431**
Tăng vốn trong năm trước	233.701.350.000	(230.000.000)	-	-	-	233.471.350.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	52.492.574.602	52.492.574.602
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	-	-	2.839.756.386	-	-	2.839.756.386
Số dư cuối năm trước	**600.000.000.000**	**(3.255.000.000)**	**460.911.386**	**54.297.552.322**	**135.589.000.711**	**787.092.464.419**
Số dư đầu năm nay	**600.000.000.000**	**(3.255.000.000)**	**460.911.386**	**54.297.552.322**	**135.589.000.711**	**787.092.464.419**
Lãi trong năm	-	-	-	-	55.040.842.180	55.040.842.180
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	-	-	1.309.417.390	-	-	1.309.417.390
Truy thu theo quyết định của cơ quan thuế	-	-	-	-	(16.100.155.485)	(16.100.155.485)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	100.313.804.362	(100.313.804.362)	-
Chi trả cổ tức (**)	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	**600.000.000.000**	**(3.255.000.000)**	**1.770.328.776**	**154.611.356.684**	**56.215.883.044**	**809.342.568.504**

(*) Việc trích lập quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-AMECC ngày 30/05/2024.

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 09/08/2024, Công ty quyết định thông qua kế hoạch chi trả cổ tức cho năm 2023 với mức chi trả 3%/1 cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 300 VND).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND		VND	
Ông Nguyễn Văn Thọ	114.546.140.000	19,09%	114.546.140.000	19,09%
Ông Nguyễn Văn Nghĩa	103.920.000.000	17,32%	103.920.000.000	17,32%
Sankyu .Inc	210.300.000.000	35,05%	210.300.000.000	35,05%
Các cổ đông khác	171.233.860.000	28,54%	171.233.860.000	28,54%
	600.000.000.000	**100%**	**600.000.000.000**	**100%**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	600.000.000.000	366.298.650.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	233.701.350.000
- Vốn góp cuối năm	**600.000.000.000**	**600.000.000.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.250.852.576	2.250.852.576
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	18.000.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	*18.000.000.000*	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(18.000.000.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	*(18.000.000.000)*	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**2.250.852.576**	**2.250.852.576**

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*60.000.000*	*60.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	60.000.000	60.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*60.000.000*	*60.000.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	154.611.356.684	54.297.552.322
	154.611.356.684	**54.297.552.322**

25. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	460.911.386	(2.378.845.000)
Số tăng trong năm	1.309.417.390	2.839.756.386
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	*1.309.417.390*	*2.839.756.386*
Số dư cuối năm	**1.770.328.776**	**460.911.386**

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất tại xã Quốc Tuấn, huyện An Lão để sử dụng với mục đích xây dựng nhà máy thiết bị đồng bộ Lisemco từ năm 2009 đến năm 2058. Diện tích khu đất thuê là 144.210,73 m2. Theo hợp đồng thuê, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- USD	2.082.650,60	2.201.141,53
- EUR	58,85	58,85
- Đồng Kyats	135.085,00	135.085,00

27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	1.415.470.872.451	1.361.264.793.182
Doanh thu chế tạo, lắp đặt khác	2.016.514.008.737	1.642.326.298.306
	3.431.984.881.188	**3.003.591.091.488**
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	**285.231.080.009**	**105.408.000.699**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	1.397.718.256.230	1.340.048.581.489
Giá vốn chế tạo, lắp đặt khác	1.722.295.220.282	1.416.593.940.541
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.171.429.853)	-
	3.114.842.046.659	**2.756.642.522.030**
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan	**398.240.606.137**	**424.833.639.982**

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.878.655.072	6.898.062.551
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.750.821.636	13.772.846.539
	22.629.476.708	**20.670.909.090**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	106.087.685.037	99.040.717.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.911.329.185	6.563.091.039
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	576.056.120	
	118.575.070.342	**105.603.808.617**
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)	**35.160.343**	**999.999.999**

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.552.740.309	3.381.024.966
	43.552.740.309	**3.381.024.966**

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.581.880.962	3.063.609.843
Chi phí nhân công	48.710.368.925	58.201.841.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.337.226.073	3.480.055.449
Chi phí dự phòng	10.475.164.953	2.550.266.590
Thuế, phí, lệ phí	4.574.340.531	12.393.680.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.471.575.287	6.759.692.248
Chi phí khác bằng tiền	3.956.073.697	5.181.051.809
	84.106.630.428	**91.630.198.282**

33. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.327.232.119	4.114.989.430
Thu các khoản nợ phải trả đã xác nhận với đối tác là không còn nghĩa vụ phải trả	-	4.247.654.736
Tiền thưởng/đền bù thu được của các dự án	177.639.766	695.544.725
Xử lý công nợ	1.942.577.947	339.517.978
Thu nhập khác	1.874.155.933	1.776.082.850
	7.321.605.765	**11.173.789.719**
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)	**5.100.000.000**	**-**

34. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi chậm nộp tiền thuế, bảo hiểm	2.214.288.445	1.535.941.874
Chi phí khấu hao không phục vụ sản xuất kinh doanh	3.045.373.969	245.037.827
Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ	243.209.416	107.089.990
Lãi chậm trả và phí trọng tài theo phán quyết của trọng tài	2.912.130.538	6.402.941.727
Xử lý tài sản thiếu kiểm kê không rõ nguyên nhân	156.681.722	318.817.355
Tổn thất các khoản phải thu được xác định là không thu hồi được	-	10.870.748.305
Phạt hợp đồng	24.573.671.245	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	3.188.809.336	-
Chi phí khác	157.110.337	2.322.484.115
	36.491.275.008	**21.803.061.193**

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	18.204.229.003	11.361.476.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**18.204.229.003**	**11.361.476.743**

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	23.394.509.155	14.328.099.733
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**23.394.509.155**	**14.328.099.733**

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(9.066.409.422)	(7.417.071.989)
	(9.066.409.422)	**(7.417.071.989)**

37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	55.040.842.180	52.492.574.602
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	55.040.842.180	52.492.574.602
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.000.000	50.882.633
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**917**	**1.032**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.180.290.860.853	883.229.339.516
Chi phí nhân công	567.815.362.917	324.349.102.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.430.338.934	51.950.454.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	227.216.185.867	161.140.595.533
Chi phí khác bằng tiền	30.904.703.429	26.487.681.706
	2.073.657.452.000	**1.447.157.173.574**

39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.251.562.577	-	-	169.251.562.577
Phải thu khách hàng, phải thu khác	674.300.545.514	22.883.917.137	-	697.184.462.651
Các khoản cho vay	97.227.357.146	190.000.000	-	97.417.357.146
	940.779.465.237	**23.073.917.137**	**-**	**963.853.382.374**
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	212.401.376.728	-	-	212.401.376.728
Phải thu khách hàng, phải thu khác	552.795.511.198	5.326.553.067	-	558.122.064.265
Các khoản cho vay	58.448.432.307	6.940.000.000	-	65.388.432.307
	823.645.320.233	**12.266.553.067**	**-**	**835.911.873.300**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	1.195.026.106.468	199.804.341.925	-	1.394.830.448.393
Phải trả người bán, phải trả khác	438.893.386.592	100.858.968.505	-	539.752.355.097
Chi phí phải trả	37.637.370.640	-	-	37.637.370.640
	1.671.556.863.700	**300.663.310.430**	**-**	**1.972.220.174.130**
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	1.255.994.041.400	168.536.215.516	-	1.424.530.256.916
Phải trả người bán, phải trả khác	482.780.683.111	96.803.412.954	-	579.584.096.065
Chi phí phải trả	95.621.992.460	-	-	95.621.992.460
	1.834.396.716.971	**265.339.628.470**	**-**	**2.099.736.345.441**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/2017/ĐHCĐ-AMECC ngày 02/04/2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch và phương án đầu tư ra nước ngoài tại Myanmar bằng hình thức góp vốn đầu tư vào Công ty Liên doanh Amecc - Myanmar Shipyard với tổng mức đầu tư là 42,073 triệu USD, sau đó tạm được điều chỉnh là 26,31 triệu USD theo văn bản số 50BS/PABS-AMECC ngày 25/03/2019 của Tổng Giám đốc gửi Hội đồng quản trị Công ty. Tại ngày 31/12/2024, số vốn Công ty cam kết góp là 444,12 tỷ VND. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, hoạt động của Liên doanh đang tạm dừng do tình hình bất ổn chính trị tại Myanmar, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết sẽ tiếp tục tham gia vào hoạt động của Liên doanh khi tình hình chính trị tại Myanmar ổn định trở lại.

Tại ngày 19/10/2022, Công ty nhận Phán quyết trọng tại của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam về vụ tranh chấp với Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PVMS) liên quan đến việc chậm thanh toán các nghĩa vụ thuộc hợp đồng thuê mặt bằng và thuê dịch vụ hậu cần phục vụ thi công trên bãi ký kết vào năm 2019 và 2020. Theo phán quyết này, Công ty phải thanh toán các khoản công nợ và lãi chậm trả liên quan cho PVMS với số tiền là 14,57 tỷ VND và phí trọng tài là 444,2 triệu VND. Công ty đã ghi nhận các nghĩa vụ này trên báo cáo tài chính. Tuy nhiên, ngày 08/05/2023, AMECC đã làm đơn khởi kiện PVMS lên Toà án nhân dân TP. Vũng Tàu về việc trong quá trình đối trừ công nợ thuê đất hai bên đã xảy ra tranh chấp, AMECC chưa thanh toán công nợ và PVMS đã tự ý chiếm giữ nhà xưởng của AMECC, không cho AMECC di dời từ ngày 16/12/2021. Việc chiếm giữ nhà xưởng này là trái phép và dẫn đến hậu quả Công ty không thể sử dụng nhà xưởng để phục vụ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh, gây thiệt hại cho Công ty. Theo đó Công ty đang yêu cầu PVMS đền bù các thiệt hại liên quan với số tiền ước tính là 5 tỷ VND. Ngày 12/05/2023, AMECC đã yêu cầu Toà án thông báo và đề nghị Cơ quan thi hành phán quyết trọng tài tạm hoãn thi hành án. Đến hiện tại, AMECC đang chờ phán quyết của Toà án.

41. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp, chế tạo	Hoạt động thương mại	**Tổng cộng toàn doanh nghiệp**
	VND	VND	**VND**
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.016.514.008.737	1.415.470.872.451	3.431.984.881.188
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**294.218.788.455**	**22.924.046.074**	**317.142.834.529**
Tổng chi phí mua TSCĐ	51.837.125.760	-	51.837.125.760
Tài sản bộ phận	3.039.636.798.572	238.838.730.393	3.278.475.528.965
Tổng tài sản	**3.091.473.924.332**	**238.838.730.393**	**3.278.475.528.965**
Nợ phải trả của các bộ phận	2.467.954.977.996	1.177.982.465	2.469.132.960.461
Tổng nợ phải trả	**2.467.954.977.996**	**1.177.982.465**	**2.469.132.960.461**

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do chủ yếu hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amecc Myanmar	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Amecc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Amecc GT	Công ty đầu tư khác
Công ty Liên doanh Amecc-Myanmar Shipyard	Công ty đầu tư khác
Bà Nguyễn Thị Hà	Em gái Tổng Giám đốc
Sankyu .Inc	Cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, dịch vụ	**285.231.080.009**	**105.408.000.699**
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	197.655.355.303	59.146.433.669
- Sankyu .INC	2.415.637.379	-
- Công ty Cổ phần Amecc GT	85.160.087.327	46.261.567.030
Mua hàng hóa, dịch vụ	**387.454.260.575**	**424.833.639.982**
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	203.609.140.989	176.595.617.997
- Công ty Cổ phần Trung tâm Module Toàn Cầu	10.854.479.020	-
- Công ty Cổ phần Amecc GT	172.990.640.566	248.238.021.985
Thu nhập khác	**5.100.000.000**	-
- Công ty Cổ phần Thương mại AMECC	5.100.000.000	
Chi phí tài chính	**35.160.343**	**999.999.999**
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	-	999.999.999
- Sankyu .INC	35.160.343	-

	Chức danh	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
- Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
- Ông Nguyễn Văn Thọ	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	1.002.270.845	979.638.980
- Ông Nguyễn Sơn	Thành viên HĐQT	49.000.000	-
- Ông Trần Ngọc Dương	Thành viên HĐQT	35.000.000	84.000.000
- Ông Đinh Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Ông Inoue Yuji	Thành viên HĐQT	401.570.000	
- Ông Kimiyasu Matsuo	Thành viên HĐQT	249.620.000	
- Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	861.056.603	852.557.692
- Ông Trương Bá Minh	Phó Tổng Giám đốc	104.781.240	-
- Bà Phạm Minh Hiếu	Trưởng BKS	356.107.694	339.015.384
- Ông Vũ Đình Thông	Thành viên BKS	304.760.923	

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Hàng tồn kho (*)	140	957.315.310.985	923.418.417.722	(33.896.893.263)
- Tài sản cố định hữu hình (*)	221	194.906.644.475	228.803.537.738	33.896.893.263
- Nguyên giá (*)	*222*	*417.617.328.863*	*466.624.885.390*	*49.007.556.527*
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	*223*	*(222.710.684.388)*	*(237.821.347.652)*	*(15.110.663.264)*

(*) phân loại nhà xưởng Long Sơn từ Hàng hoá bất động sản sang Tài sản cố định hữu hình

Vũ Thị Phương Hảo	**Nguyễn Hữu Phong**	**Nguyễn Văn Thọ**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 03 năm 2025